

KHUYẾN TU

CHẤP MÔN

NIỆM

Phật

P



Khuyên Tu Pháp Môn Niệm Phật

Biên soạn: Viên Anh Pháp Sư

Việt dịch: Thích Nguyên Anh

Mục Lục:

Lời Nói Đầu

Chương 01: Nhân Duyên Phát Khởi Niệm Phật

Chương 02: Niệm Phật Tức Là Tu Hành

Chương 03: Niệm Phật Là Chấn Chấn Nhất

Chương 04: Niệm Phật Là Phương Tiện Thù Thắng Nhất

Chương 05: Niệm Phật Tiêu Được Nghiệp Chướng

Chương 06: Niệm Phật Chớ Cầu Phước Báo

Chương 07: Niệm Phật Đoạn Được Phiền Nã

Chương 08: Niệm Phật Mau Liễu Được Sinh Tử

Chương 09: Niệm Phật Đầy Đủ Tam Học

Chương 10: Pháp Môn Niệm Phật Nhiếp Hết Mọi Căn Cơ

Chương 11: Niệm Phật Có Thể Độ Chúng Sinh

Chương 12: Niệm Phật Được Thành Phật Đạo

Niệm Phật Có Mười Điều Lợi Ích Lớn

Lời Nói Đầu

Pháp môn Tịnh độ là một pháp môn thông dụng cho mọi giới, tri thức, bần nông, thượng căn, hạ căn gì cũng đều tu trì được. Đức Như Lai thành tựu tam minh dưới cội Bồ đề, suốt 49 năm thuyết pháp độ hóa vô số chúng sinh, chân lý của ngài đã trở thành chân lý muôn đời. Phật A Di Đà phát 48 đại thệ nguyện, nguyện rằng bất cứ chúng sinh nào trong cửu hữu (9 trong 10 giới: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, A tu la, Nhân, Thiên, Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát) lúc lâm chung mười niệm không rời, tức khắc được Phật cùng Thánh chúng tay nâng kim đài đến tiếp dẫn về thế giới Cực lạc, thoát ly Ta bà khổ, dự vào chín phẩm hoa sen. Pháp này là pháp môn đặc biệt dựa vào Phật lực, không thể luận chung với các pháp môn chỉ dựa vào tự lực. Thế nhưng người đời phần nhiều bộp chộp, có được chút ít trí tuệ, tự cho mình là bậc thượng căn thượng trí loại bỏ pháp môn dựa vào tha lực này. Và lại còn coi thường những người tu pháp môn Tịnh độ là những kẻ độn căn, độn trí chỉ biết nhờ vả! Nướng vào đó mà được liễu sinh tử, được lợi ích lớn siêu phàm nhập thánh, chúng ta là những kẻ căn cơ bậc hạ mà không tự nguyện nướng vào đó để được siêu thoát thì thật là đáng thương thay! Không biết rằng pháp môn Tịnh độ là pháp môn vượt thẳng hơn hết, là pháp môn mà tất cả pháp môn đều quay về, như muôn sông suối đều chảy về biển cả. Cho nên hết thảy pháp môn không một pháp môn nào không từ pháp giới này mà lưu xuất, chẳng một pháp môn nào mà không trở về với pháp giới này vậy. Nếu ba hoặc nghiệp (kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc) đã được tận trừ, bốn đức (thường, lạc, ngã, tịnh) đã được viên mãn thì không cần tu gì cả. Nhưng nếu còn chưa đạt được đến địa vị ấy thì còn phải học theo chư Bồ Tát thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác trong khắp Hoa Tạng thế giới. Lấy công đức không thể nghĩ bàn của thập đại nguyện vương hồi hướng vãng sinh

thế giới Tây phương Cực lạc để nhanh chóng đạt đến quả vị viên mãn Phật quả. Nếu được như thế thì đáng được gọi là bậc đại trí tuệ, đại trượng phu, được thế, xuất thế gian cung kính! Đến đây còn phải tùy duyên ứng hiện để hoằng dương pháp môn siêu việt này, như Quan Âm, Phổ Hiền là những vị cổ Phật vì chúng sinh mà hiện 32 ứng hóa thân mong hết thảy chúng sinh đều thành Phật đạo. Quang tôi nay nghiệp chướng sâu dày, dù đã ngoài 50 tuổi mà hết thảy các pháp không một phân thông tỏ, chỉ lạm dựa vào hàng Tăng bảo. Tuy cũng thường niệm Phật, nhưng túc nghiệp quá sâu dày nên chưa được cùng Phật tương ưng. Nhưng tôi tin 48 đại thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà không hư dối, nhờ vào Phật lực chắc chắn sẽ được vãng sinh nên chí nguyện của tôi không ai lay chuyển được. Gần đây, Pháp sư Viên Anh đã trước tác cuốn “Khuyên tu pháp môn niệm Phật”. Lúc sắp phát hành thì ngài nhờ tôi viết “lời đầu sách”. Quang tôi già rồi! Tinh thần, sức lực không còn như xưa, vả lại từ lâu đã buông việc đèn sách. Nay may mắn được tu pháp môn niệm Phật, lại được người đề xướng nên tức tốc viết mấy lời để làm tựa cho cuốn sách này.

Sa môn Thích Ấn Quang

CHƯƠNG I: NHÂN DUYÊN PHÁT KHỞI NIỆM PHẬT

Đại sư Liên Trì nói rằng: "Một niệm siêu ba cõi, một lời ngang với Thánh hiền, thật là diệu dụng bất khả tư nghị, điều ấy chỉ có trong kinh A Di Đà mà thôi vậy!" Kinh này là nhân duyên phát khởi pháp môn trì danh niệm Phật. Đức Thích Ca Mâu Ni quán thấy hết thảy chúng sinh vốn xưa nay là Phật, ai ai cũng có đầy đủ tri kiến Phật, chỉ vì vọng tưởng vô minh che đậy nên không thể thấy được tự tánh Như Lai; tuy bị mê mờ, luân hồi trong ba cõi sáu đường nhưng Phật tánh vốn có ấy vẫn không bị mất đi. Như kho bảo châu chôn ở trong nhà, viên minh châu buộc trong chéo áo chưa từng tán mất. Cho nên Đức Phật chỉ bày pháp môn niệm Phật là muốn khiến cho hết thảy chúng sinh phát tâm niệm Phật, mà ngộ nhập được tri kiến Phật vốn có ấy.

Các Đức Phật ra đời chỉ vì một đại sự nhân duyên là "khai thị cho chúng sinh ngộ nhập tri kiến Phật". Trong Kinh Pháp Hoa, Phật bảo với ngài Xá Lợi Phất rằng: "Này Xá Lợi Phất! Thế nào gọi là chư Phật Thế Tôn, vì một nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời? Chư Phật Thế Tôn muốn cho hết thảy chúng sinh khai tri kiến Phật, đắc thanh tịnh giải thoát mà hiện ra nơi đời; muốn chỉ cho chúng sinh thấy tri kiến Phật mà xuất hiện nơi đời; muốn cho chúng sinh ngộ tri kiến Phật mà xuất hiện nơi đời; muốn cho chúng sinh nhập tri kiến Phật mà xuất hiện nơi đời". Tri kiến Phật tức là Bồ đề tứ trí (Thành sở tác trí, Diệu quan sát trí, Bình đẳng tánh trí, Đại viên cảnh trí) của chư Phật, cũng tức là ba đức (Pháp thân, Niết bàn, Giải thoát) đang ẩn tàng trong chúng sinh. Chư Phật ngộ Phật tri kiến mà thành đẳng chánh giác; chúng sinh vì mê nên phải luân hồi trong sinh tử. Nên biết mê và ngộ tuy có khác nhau nhưng Phật và chúng sinh xưa nay bình đẳng. Kinh Kim Cang nói

rằng: "Pháp bình đẳng ấy không có cao thấp". Tức là: Chúng sinh vốn đầy đủ tri kiến Phật bằng chư Phật không khác.

Hai chữ "tri kiến" là nói theo căn tánh. Căn tánh tức là Phật tánh. Tánh này thường ở đầu cửa sáu căn; ở mắt thời gọi là thấy, ở tai thời gọi là nghe, ở mũi thời ngửi, ở lưỡi thời nếm, ở thân thời xúc chạm (cảm giác), ở ý thời gọi là biết, nay chỉ đưa ra ý căn và nhãn căn nên gọi là tri kiến (thấy biết), thật ra thì sáu tánh này chỉ là một tánh. Như Kinh Lăng Nghiêm nói, vốn chỉ là một tinh minh nhưng phân thành sáu hòa hợp. "Cái biết" của Phật là thật biết, không có cái gì mà chẳng biết; "cái thấy" của Phật là thật thấy, không có cái gì mà chẳng thấy. Nay chúng sinh do mê lầm nơi vọng tưởng chấp trước nên cái thấy biết trở thành vọng kiến vọng tri (không phải là cái thấy biết chân thật). Cổ đức có nói rằng: "Biết bao con chim đã mê lầm lót ổ trên một đám mây trắng giăng ngang miệng vực". Nên biết vọng niệm không có tự tánh, toàn thể tức chân, Phật vì chúng sinh mà khai mở, mà chỉ thị khiến chúng sinh ngộ nhập tri kiến Phật, như chỉ cho biết trong nhà vốn đã có kho báu, viên minh châu vốn có sẵn trong ché áo, hà tất cầu tìm.

Đức Thích Ca Mâu Ni khai thị pháp môn niệm Phật tức là muốn cho hết thảy chúng sinh thâm nhiếp lục căn, khiến được tịnh niệm tương tục, xưng niệm "Nam Mô A Di Đà Phật", niệm đến cảnh giới tâm cảnh đều vắng lặng thì Phật tánh sẽ tự hiển hiện, thành tựu tự tánh Di Đà và hoàn thành giai đoạn nhân duyên xuất thế này.

Pháp môn niệm Phật còn gọi là pháp môn Tịnh độ, lại được gọi là "Liên Tông", lại được gọi là "Tịnh Tông". Lòng từ của Đức Thích Ca Mâu Ni thật là vô hạn, Ngài quán xét căn cơ của chúng sinh ở cõi Ta bà mà ban cho pháp môn tối thắng này. Thấy căn tánh của chúng sinh chỉ có tu trì theo pháp

môn niệm Phật này, là pháp môn dễ nhất, lại dễ đắc độ, nên không ai đặt vấn đề mà tự thân thuyết (vô vấn tự thuyết), đó là cuốn Kinh A Di Đà mà chúng ta trì tụng hằng ngày. Ngài tự nói cho Xá Lợi Phất biết rằng: "Từ đây hướng về phía Tây trải qua 100.000 ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực lạc, nước Cực lạc ấy có Phật hiệu là A Di Đà hiện đang thuyết pháp". Cực lạc là y báo, Di Đà là chánh báo. Vì để muôn đời trì danh hiệu Phật nên Đức Thích Ca đã nói ra pháp môn vi diệu này. Pháp môn này thượng, trung, hạ căn đều có thể hành trì, tứ sinh lục đạo đều được siêu thoát, lợi ích của nó thật là không thể nghĩ bàn vậy.

Trong Kinh A Di Đà, Đức Phật giải thích hai chữ "Cực lạc" rằng: "Xá Lợi Phất! Nước ấy vì sao có tên là Cực lạc? Vì những chúng sinh sinh về nước ấy không có các khổ não, chỉ có an vui, cầu gì được nấy nên gọi Cực lạc". Trên đây là nói rõ các thứ trang nghiêm y báo chánh báo của cõi Tây phương, hầu phát khởi tín ngưỡng của chúng sinh; thứ đến là khuyến cáo chúng sinh mỗi người hãy nên phát nguyện, nguyện cầu vãng sinh Tây phương Cực lạc. Kinh rằng: "Này Xá Lợi Phất! Khi chúng sinh nghe đến cõi nước Cực lạc hãy nên phát nguyện sinh về nước ấy. Vì sao? Vì được ở cùng chư thiện tri thức". Cuối cùng là chí thành khuyến bảo nên trì danh hiệu Phật A Di Đà để được nhất tâm bất loạn. Kinh rằng: "Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tín nữ nghe nói đến Phật A Di Đà mà chấp trì danh hiệu hoặc một ngày, hai ngày... cho đến bảy ngày được nhất tâm bất loạn thời người ấy lúc lâm chung được Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng tay nâng kim đài hiện ra trước mặt, người ấy lúc lâm chung tâm không điên đảo tức được vãng sinh về thế giới Cực lạc".

Như những điều đã dẫn trên đây thì cốt yếu của Kinh A Di Đà là Đức Phật muốn khuyến phát tín nguyện hạnh. Người tu pháp môn niệm Phật nên lấy

tín nguyện hạnh để làm tư lương cho lộ trình vãng sinh nước Cực lạc. Nếu như đầy đủ được ba món tư lương này thì chắc chắn hành giả được lên ngôi cứu phẩm. Nên biết: Có vãng sinh được hay không hoàn toàn đều do nơi hành giả có hay không có tín nguyện; phẩm vị cao thấp là do ở chỗ hành trì cạn hay sâu. Tín nguyện hạnh này như đỉnh ba chân, thiếu một thời không đứng được. Tôi thường khuyến khích mọi người nên tu trì pháp môn Tịnh độ, đối với ba món tư lương này, mỗi món thêm một chữ, gọi là: Tín tất phải thâm tín (tín sâu); nguyện tất phải thiết nguyện (nguyện thiết tha); hành tất phải thật hành. Nếu được như thế thì chắc chắn cầm chiếc vé vãng sinh Tây phương Cực lạc.

I. Tín sâu, sơ lược có bốn:

1/ Tín Đức Thích Ca Như Lai đã viên mãn tam giác (tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn), tứ trí.

2/ Tín cõi Tây phương Cực lạc là thực có, do Đức Phật A Di Đà đại từ đại bi làm giáo chủ, lúc còn ở nhân địa tu hành đã phát 48 đại hoằng thệ nguyện, nguyện sau khi tinh cần tu vạn hạnh thành tựu được công đức trang nghiêm chứ không phải là hư ảo.

3/ Tín chư Phật ở sáu phương đều xuất ra tướng lưới dài rộng che khắp tam thiên đại thiên thế giới tán thán pháp môn Tịnh độ, là công đức không thể nghĩ bàn. Chư lịch đại Thánh hiền hoằng dương pháp môn Tịnh độ là tu hành bằng con đường tắt trong các con đường tắt, cho đến muôn kinh vạn luận nơi đâu cũng chỉ rõ ràng. Thánh hiền xưa nay ai ai cũng đề xướng pháp môn Tịnh độ, quyết định là những lời chân thật không phải dối lừa.

4/ Tin rằng cõi Ta bà ngũ trước là do chiêu cảm ác nghiệp của chúng sinh; cõi Cực lạc thanh tịnh sạch đẹp, thành tựu do những tịnh nghiệp của chúng sinh. Niệm Phật được thanh tịnh ba nghiệp thân, khẩu, ý, khi tịnh nghiệp đã thành thì vãng sinh Tịnh độ là phù hợp với nhân quả chớ không phải là hư cưỡng. Quả thật lúc đầy đủ bốn niềm tin này thì cho dù ai đó nói có pháp môn nào đó siêu việt hơn, khuyên ta tín ngưỡng ta cũng không đổi ý. Bởi vì ta đã tin tưởng vào pháp môn niệm Phật là pháp môn tối thắng hơn hết, đây chính là tin sâu.

II. Nguyên thiết tha, sơ lược có bốn loại:

1/ Nguyên không phụ tánh linh của mình. Tánh này là Phật tánh tự nhiên mà mỗi chúng sinh đều có đủ. Chỉ vì do phiền não mê lầm, kết nghiệp trói buộc mà phải luân hồi trong biển khổ sinh tử. Nay may mắn được sinh làm người, được nghe Phật pháp, lại được nghe đến danh hiệu Phật A Di Đà, công đức bốn nguyện tín ngưỡng sâu xa nên tự phát nguyện, nguyện suốt đời thọ trì pháp môn niệm Phật để cầu liễu sinh thoát tử, cầu vãng sinh Tịnh độ, cầu thành Phật đạo để không cô phụ tánh linh.

2/ Nguyên ly khổ đặc lạc. Chúng ta theo nghiệp mà sinh vào thế giới Ta bà năm trước này, bị các khổ, tam khổ, bát khổ, vô lượng chúng khổ nói không cùng tận. Nay thử đem Ta bà, Cực lạc so sánh. Ta bà có tam khổ:

1. Khổ khổ; tức là chúng sinh trong năm đường (ngũ thú chúng sinh) chịu thân sinh tử này đã là khổ mà lại còn phải chịu bao nhiêu cái khổ bức bách nên gọi là khổ khổ (cái khổ này chồng lên cái khổ kia).

2. Hoại khổ; từ trời Lục Dục cho đến trời Tam Thiên tuy có lạc thọ, nhưng cái lạc ấy không trường cửu, rốt cuộc cũng bị tán hoại nên gọi hoại khổ.

3. Hành khổ; từ trời Tứ Thiên trở lên tuy không còn khổ lạc nhưng vẫn phải bị hành ấm thiên lưu, chưa đắc tự tại giải thoát, lúc hết quả báo cõi trời thì vẫn phải bị đọa lạc nên gọi hành khổ. Và chúng sinh ở cõi Cực lạc chỉ thọ những sự thư thái an vui của thân tâm mà không có khổ khổ; chỉ thọ những sự an vui của chánh báo trang nghiêm mà không có hoại khổ; chỉ thọ những sự an vui của tam muội tịch diệt mà không có hành khổ.

Lại thế giới Ta bà có tám khổ:

1. sinh là khổ.
2. già là khổ.
3. bệnh là khổ.
4. chết là khổ.
5. thương yêu mà phải xa lìa là khổ.
6. ghét nhau mà phải ở cùng là khổ.
7. mong cầu không được là khổ.
8. năm ấm không hòa hợp là khổ.

Và chúng sinh ở cõi Cực lạc thì chỉ có cái vui hóa sinh hoa sen mà không có cái khổ của thai sinh; chỉ có niềm vui của tướng đẹp sáng ngời mà không có cái khổ của sự suy thoái vì thời gian; chỉ có niềm vui tự tại mà không có cái khổ của bệnh tật; chỉ có niềm vui của sự thọ mạng mà không có cái khổ của tứ đại phân ly; chỉ có niềm vui của sự đoàn tụ mà không có cái khổ của sự thương yêu mà phải xa lìa; chỉ có cái vui của sự thương yêu mà không có cái khổ của sự oán ghét mà phải sống chung; chỉ có niềm vui của sự cầu gì được nấy mà không có cái khổ dục bất như ý; chỉ có niềm vui của năm ấm được điều hòa mà không có sự khổ lúc phiền não bùng lên. Hai cõi một uế một tịnh, khổ lạc khác nhau trời vực nên thiết nguyện vãng sinh ly khổ đặc lạc.

3/ Nguyên mau được lên ngôi cửu phẩm không còn thoái chuyển. Tu hành ở cõi Ta bà này khó tiến mà lại rất dễ thoái thất, là vì hoàn cảnh xấu ác, duyên chướng đạo nhiều, duyên trợ đạo ít. Hoặc ban đầu thì tinh tấn sau lại giải đãi, hoặc là công hạnh chưa thành, khi duyên đời hết đổi báo thân khác không nhớ việc tu hành đời trước nên không thể tiếp tục, đời sau lại tạo nghiệp mới ắt phải thoái đạo. Những khó khăn của sự tu hành ở cõi Ta bà, như Bồ Tát ở quả vị thập tín, đã phát đại tâm mà còn tiến lên thoái xuống hưởng hồ phàm phu. Có tín tâm tu hành phải trải qua một vạn kiếp, khi tín tâm đầy đủ, thiện căn thành thực mới chứng được sơ trụ (một trong thập trụ), được quả vị bất thoái. Và pháp môn niệm Phật vừa được vãng sinh là chứng liền tam bất thoái (vị bất thoái, hành bất thoái, niệm bất thoái). Kinh A Di Đà nói rằng: "Những chúng sinh được sinh lên Cực lạc đều là A bệ bạt trí (bất thoái địa) nên quyết định cầu vãng sinh Tịnh độ, nguyện chúng bất thoái chuyển.

4/ Nguyên chính mắt thấy Phật A Di Đà. Bởi vì khó mà tự thân thấy được chư Phật xuất thế, thí như hoa Ưu đàm, 3000 năm mới nở một lần. Người xưa than thở: "Lúc Phật xuất thế con còn trầm luân, nay được thân người Phật đã diệt độ; hận cho thân này nhiều nghiệp chướng, không thấy được thân sắc vàng của Như Lai". Chúng ta sinh nhằm vào thời mạt pháp, Phật Thích Ca đã diệt độ, Phật Di Lặc lại chưa sinh nên muốn tự thân thấy Phật nghe pháp thật là việc khó vô cùng. Thí như đứa trẻ mồ côi không nơi nương tựa đáng thương biết bao, đã không cha mẹ lại thêm nghèo đói thì cuộc đời cô độc của nó nguy hiểm đến thế nào? Nay ở thế giới Cực lạc Đức A Di Đà từ tôn đang thuyết pháp, thương nhớ chúng sinh như mẹ thương con. Chúng ta quyết tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, nguyện thấy Phật A Di Đà, cho dù trải qua kiếp số nhiều như cát bụi nguyện này không bao giờ thay đổi. Cho dù lúc lâm chung hoặc trời Đế Thích tiếp dẫn ta lên cõi trời

Đao Lợi, hoặc vua trời Đại Phạm đón rước ta sinh lên cõi trời Sơ thiên ta cũng nhất định không đi, huống gì là những đường ác thú khác.

Lại nữa, không những chỉ nguyện sinh Tây phương mà thôi đâu, ta còn phải nguyện sinh lên thượng phẩm thượng sinh, mong được đài vàng để sớm thấy Phật, mau chứng vô sinh pháp nhẫn. Như Đại sư Hoài Ngọc chỉ chuyên tu tịnh nghiệp. Một ngày nọ, ngài thấy Phật A Di Đà hiện thân, trên không trung phát ra muôn tiếng nhạc, Phật A Di Đà tay cầm đài bạc đến tiếp dẫn, Hoài Ngọc nghĩ: Ta một đời tinh tấn tu hành cốt chí tâm ở đài vàng, nay chỉ được đài bạc ta quyết không vãng sinh. Suy nghĩ thế xong thì thấy Đức A Di Đà từ từ bay về phương Tây biến mất. Từ ấy trở đi Hoài Ngọc càng thêm tinh tấn, ngày 21, Phật cùng chư Bồ Tát lại hiện khắp cả hư không, đức A Di Đà lần này tay cầm đài vàng đến tiếp dẫn. Ngọc nghĩ: Nguyện ta đã trọn vậy. Bèn chắp tay hướng về phía Tây thị tịch, lúc ấy trong không trung phát ra muôn ngàn âm nhạc. Thái Thủ Tụng nói rằng: "Thầy tôi một niệm lên sơ địa, trăm ngàn khí nhạc thảy đồng ca; cây hòe cổ thụ nơi đầu ngõ, trên cành có quả một kim đài". Chính như Quang Minh Thiện Đạo cũng có nói rằng: "Nguyện người thế nào, thì được thành tựu như thế ấy".

Sức nguyện lực thật không thể nghĩ bàn. Các thứ trang nghiêm của thế giới Tây phương Cực lạc đều do nguyện lực của Đức Phật A Di Đà mà thành tựu. Nếu niệm Phật có tín mà không nguyện thì tín ấy chỉ là hư tín. Cho nên, có niềm tin rồi còn cần phải phát nguyện. Phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện lấy mười đại nguyện vương làm tư lương cho lộ trình đi về Cực lạc. Lại nữa, Bồ Tát Phổ Hiền còn phát kệ thệ nguyện rằng: "Nguyện cho tôi khi sắp lâm chung, trừ sạch hết thảy bao chướng ngại; tận mắt thấy Phật A Di Đà, tức được vãng sinh nước Cực lạc". Là những người tu trì pháp môn Tịnh độ, nguyện ấy không thể không khẩn thiết.

III. Thực hành

Hành tức là trì danh hiệu Phật, chuyên tu Tịnh độ. Hành ấy quý ở chỗ chân thật, nếu có tín, nguyện mà không có thực hành thì vẫn không được vãng sinh thế giới Cực lạc. Thí như tin (tín) vào hạt giống có thể cho hoa kết trái, rồi cũng mong (nguyện) hạt giống ấy cho hoa thơm trái ngọt nhưng lại không gieo xuống đất, không chăm sóc tưới tẩm (không thực hành) thì tất nhiên là không thể có quả để thu hoạch. Cũng như thế, niệm Phật phải đầy đủ tín, nguyện, hạnh, thiếu một thời không thể được. Hạnh có hai loại:

1/ Sự hành: Là dùng cái tâm năng niệm, niệm Phật sở niệm, năng sở rõ ràng, tâm, Phật tương ưng, tâm không rời Phật, Phật không rời tâm, niệm niệm tương tục không gián đoạn, đi, đứng, nằm, ngồi không rời câu "Nam mô A Di Đà Phật", không khởi vọng tưởng. Tâm như hồ nước trong lắng không chút gợn sóng, Phật như trăng mùa thu vằng vặc trên trời, trạm nhiên bất động, đó là niệm Phật bằng sự hành.

2/ Lý hành: Tức là rõ lý trung đạo mà hành pháp tu niệm Phật. Nghe nói pháp môn niệm Phật rồi tin theo không chút mảy may nghi ngờ, nguyện vãng sinh Cực lạc, chuyên tu tịnh nghiệp, không trụ ở có, không rơi vào không, niệm mà không thấy có niệm, không thấy ta là người niệm, Phật là người được niệm. Niệm Phật đến lúc không còn năng sở thì tâm, Phật nhất như, tâm tức là Phật, Phật tức là tâm, không có hai tướng cũng không thể tìm ở có không. Nếu nói là có thì cái tâm năng niệm bản thể vốn vắng lặng, Phật sở niệm tướng bất khả cầu. Nếu nói là không thì cái tâm năng niệm linh thông chưa từng bị hôn tối, Phật sở niệm sáng rõ muôn đời. Không còn có tướng có không mà trở về với thật tướng. Cổ đức nói kệ rằng: "Bồng

nhiên khởi niệm niệm Di Đà, đất bằng không gió dậy phong ba; thân tâm yên lặng trong vô niệm, khởi lên (biết) không niệm cũng là tà". Đây không chuyên tu sự tướng mà là thuần tu lý quán, sức quán thành tựu thì sẽ biết rõ tâm, Phật tuy có hai tên gọi nhưng bản thể chỉ là một, thấy được tự tánh Di Đà, tâm hồn trong lặng thì đó là niệm Phật lý hành.

Tín nguyện hạnh là ba món tư lương của hành giả trên con đường đi đến Cực lạc. Đã chuẩn bị đầy đủ tư lương thì vấn đề vãng sinh nào còn có khó gì? Đã vãng sinh Cực lạc thì không còn khổ não, siêu vượt tam giới. Vì thế nên Đức Thích Ca Mâu Ni đã vì chúng sinh mà tự nói ra Kinh A Di Đà để làm nhân duyên phát khởi niệm Phật.

CHƯƠNG II. NIỆM PHẬT TỨC LÀ TU HÀNH

Một người có tu hành hay không nhìn nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý thì biết ngay. Nếu thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý khởi niệm ác thì tức là không có tu hành. Pháp môn niệm Phật có thể khiến cho ba nghiệp của chúng sinh được thanh tịnh thì chắc chắn đây là pháp môn tu hành. Nay thử trải nghiệm. Có một người nghe đến pháp môn niệm Phật, khởi niềm tin sâu xa không chút nghi hoặc, nguyện vãng sinh Tây phương Cực lạc, thực hành pháp môn niệm Phật, một lòng chuyên trì danh hiệu Phật A Di Đà, từng chữ từng chữ rõ ràng, phát ở tâm, niệm ở miệng, nghe ở tai, một câu như thế, nhiều câu cũng như thế. Tâm niệm, miệng niệm, tâm khẩu nhất như, niệm niệm tương tục không gián đoạn, trong tâm chỉ có Phật chứ không có một niệm nào khác. Lấy niệm niệm Phật để trừ các tạp niệm khác, khi các vọng niệm dừng thì ý nghiệp thanh tịnh, đây là tu hành ý nghiệp. Miệng niệm danh hiệu Phật, không nói chuyện thị phi, đàm tiếu. Cổ nhân dạy rằng: "Ít nói chuyện ta người, niệm nhiều danh hiệu Phật". Miệng

không rời danh hiệu Phật thì khẩu nghiệp thanh tịnh, đây tức là tu hành khẩu nghiệp. Những hành động của thân (thân nghiệp) đều do ý nghiệp sai sử, nếu ý không khởi thì không có hành động nơi thân, người niệm Phật, một lòng niệm Phật, nhiếp hết sáu căn thì thân thanh tịnh, đây tức là tu thân nghiệp. Sao lại nói niệm Phật không phải là pháp tu hành? Những điều vừa liệt kê trên đây đủ minh chứng niệm Phật chính là tu hành vậy.

Hoặc bảo niệm Phật một đời mà được vãng sinh thế giới Cực lạc là lời nói hư cuống ngu si. Nếu muốn là Ta bà khổ để về một thế giới hoàn toàn sung sướng nhất định phải có một pháp môn nào đó thật vi diệu, thật nan đặc mới khả dĩ. Nay chỉ niệm danh hiệu Phật sao dám bảo là chân thật tu hành? Những lời nói này hết sức lầm lẫn, xin mọi người hãy quán sát cho kỹ. Nên biết pháp môn niệm Phật chính Đức Phật nói ra chớ chẳng phải do ai khác, Ngài quán sát căn cơ chúng sinh mà nói ra pháp môn niệm Phật này. Phật là đấng chí tôn vạn đức, lời của người không hề hư dối, há có phỉnh gạt chúng sinh sao?

Phật quán thấy chúng sinh nghiệp trọng, vọng niệm quá nhiều nên dạy cho pháp chuyên tâm niệm danh hiệu Phật A Di Đà, đây là pháp dùng niệm để ngăn trừ niệm (lấy niệm Phật để ngăn chặn niệm chúng sinh) như thầy thuốc dùng độc để trừ độc vậy. Lại nữa tâm chúng sinh như nước, xưa nay vốn thanh tịnh không chút nhiễm nhơ, do cát bụi mà làm cho nước vốn trong sạch ấy trở thành vẩn đục; nay muốn lắng gạn cần phải mượn công năng của Thanh thủy châu (ngọc lắng nước) mới có thể hữu hiệu. Câu Phật hiệu như viên Thanh thủy châu, tâm chúng sinh loạn ví như nước đục. Đại sư Vân Lô dạy rằng: "Nước đục mà được Thanh thủy châu, tất phải lắng trong ngay trở lại; loạn tâm mà được câu Phật hiệu, thanh tịnh tức thì

không dối hu". Niệm Phật chính là pháp dạy người thành Phật, há lại bảo dối người sao?

Chúng sinh 24 giờ mỗi ngày ý thức lúc nào cũng phan duyên, chạy theo trần cảnh, vọng tưởng, tham cầu tạo biết bao ác nghiệp. Theo nghiệp chuyển phải chịu quả báo luân hồi trong sáu đường không bao giờ dừng nghỉ. Ý thức có hai phần: Một phần gọi là "độc đầu ý thức" (Độc đầu ý thức: Là ba phần "định trung ý thức, độc tán ý thức, mộng trung ý thức" của thức thứ 6, không cùng khởi với năm thức trước. Chính vì độc khởi nhưng lại rộng duyên với 18 giới, nên gọi độc đầu), duyên với Ý chỉ có cảnh tướng. Cảnh tướng này tức sắc, thanh, hương, vị, xúc được tiền ngũ thức (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) tiếp nhận ngoài thức thứ bảy Mạt na đưa vào để duyên với Ý. Và một phần là "đồng thời ý thức", tức năm thức trước cùng khởi duyên với cảnh trần bên ngoài. Tức khi mắt thấy sắc thì nhãn thức khởi lên, ý thức đồng thời cùng khởi với nó, đồng duyên với sắc trần, hấp thụ cảnh giới sắc trần rồi giao cho độc đầu ý thức tính toán phân biệt, giống như gương nhiếp ảnh vậy. Nhãn căn như thế, cho đến thân căn đối với xúc trần cũng lại như vậy, lúc thân thức khởi, ý thức cũng đồng thời khởi lên với nó, đồng duyên với sắc trần.

Ý thức luôn luôn phân biệt cảnh giới sáu trần, nguồn gốc sinh tử chính là ở chỗ đó. Đức Phật dạy tu trì pháp môn niệm Phật, niệm niệm chuyên chú vào Thánh hiệu A Di Đà Phật thì sẽ không còn nghĩ đến cảnh giới sáu trần, không nghĩ đến cảnh giới sáu trần thì không sinh tâm phân biệt. Đây chính là diệu pháp duy nhất để nhổ tận gốc rễ của mọi sự khổ não. Như lúc mắt thấy sắc chỉ niệm A Di Đà Phật chớ không phân biệt cảnh giới tốt xấu của sắc trần, tai, mũi, lưỡi, thân đối cảnh cũng như thế. Tức như lời đức Đại Thế

Chí Bồ Tát nói: "Nhiếp hết sáu căn, tịnh niệm tương tục, vào tam ma đề (tam muội), đây là đệ nhất". Há đây không phải là pháp tu hành sao?

Hoặc cho rằng niệm danh hiệu Phật chỉ uống công, chẳng có lợi ích gì. Không biết rằng danh hiệu Phật đầy đủ vạn đức, trì danh hiệu Phật nhiếp được tâm tán loạn, các pháp tu trì không pháp nào qua pháp này. Đại sư Liên Trì nói: "Niệm lên danh hiệu Phật, muôn đức đủ đầy trong; chuyên trì danh hiệu ấy, muôn hạnh đủ không sai". Há là vô ích sao? Ngày xưa Châu Lợi Bàn Đạc Già phát tâm xuất gia, học một câu kệ hơn trăm ngày mà không thuộc, được câu trước quên câu sau, được câu sau lại quên câu trước. Kệ rằng: "Giữ miệng nhiếp tâm thân chớ phạm, mọi duyên trái nghịch chớ ưu phiền; những khổ vô ích nên ly xả, cõi đời hành giả ắt vượt qua". Bài kệ này Đức Phật sắc lệnh đệ tử mỗi ngày ba thời sáng trưa chiều nên tụng trì. Đừng quên ta đã là người xuất gia, nhất định phải y kệ tu hành. Bàn Đạc học mãi không thuộc nên bị người anh là Châu Lợi bắt phải hoàn tục. Bàn Đạc tuy ngu tối nhưng đạo tâm rất kiên cố, không chịu về nhà. Phật thương xót căn cơ ám độn của ngài nên dạy cho pháp tu quán Sổ tức (đếm hơi thở), tức là đếm hơi thở ra vào từ một đến mười, đến mười thì dừng lại và bắt đầu đếm trở lại một. Hơi thở ra đếm một, hít vào đếm hai, cứ như thế cho đến mười. Bàn Đạc vâng lời Phật tìm một gốc cây yên tĩnh, tư thế kiết già tinh tấn chí tâm vào hơi thở, thoáng chốc dứt hết các lậu, chứng ngay tứ quả vô sinh. Đếm hơi thở đương nhiên là không bằng niệm danh hiệu Phật, quán sổ tức mà còn chứng quả hà huống niệm Phật. Làm cho ba nghiệp thanh tịnh, thoát được lục đạo luân hồi, há bảo niệm Phật không phải là pháp tu hành sao?

CHƯƠNG III. NIỆM PHẬT LÀ CHẮC CHẴN NHẤT

Chúng vô thượng Bồ đề ở tuổi 31, chỉ trong 49 năm hoằng dương đại pháp mà Đức Thích Ca Mâu Ni nói có đến 84.000 pháp môn là vì quán xét căn cơ của chúng sinh có cao thấp, lợi độn khác nhau mà rộng lập. Nhưng pháp môn nào cũng khả dĩ nhập đạo, thí như thành phố có muôn vạn ngõ vào. Kinh Lăng Nghiêm nói rằng: "Bổn lai chỉ có một, phương tiện lập nhiều môn". Nhưng trong muôn ngàn pháp môn ấy, pháp tu dễ nhất, chắc chắn nhất chỉ có niệm Phật. Chỉ niệm sáu chữ "Nam mô A Di Đà Phật" thì bất luận người nào ngu hạ đến đâu cũng có thể tu trì được, dạy một lần họ hiểu ngay. Chỉ cần tâm niệm, miệng niệm, niệm niệm tương tục thì chắc chắn chúng niệm Phật tam muội thật là dễ dàng vậy. Nếu chỉ dễ tu thôi mà không có công hiệu thì cũng chả quý. Nhưng pháp môn niệm Phật này chỉ cần phát khởi lòng tin sâu xa, tha thiết cầu vãng sinh, niệm Phật không dừng nghỉ thì không cần tham cứu, chẳng cần quán tưởng cũng được vãng sinh. Bằng tu tập các pháp môn khác chỉ dựa vào sức tự lực, nếu tự lực không đủ, hoặc lầm đường lạc lối, hoặc tẩu hỏa nhập ma, hoặc công hạnh chưa thành thì khi duyên đời đã hết, đời sau không thể tiếp tục tu hành, công phu trước đây coi như bỏ, đây là việc rất nguy hiểm vậy.

Chỉ có pháp môn niệm Phật dựa vào tự lực cùng tha lực. Tự lực tức là tâm lực của chính mình nhất tâm niệm Phật. Tha lực là những nguyện lực của 48 đại nguyện mà Đức Phật A Di Đà đã phát lúc còn ở nhân địa tu hành. Ngoài tự lực còn có thêm tha lực, chỉ cần thành thật, nhất tâm niệm Phật thì cầm chắc chiếc vé vãng sinh. Chỉ cần giữ chặt câu Phật hiệu, niệm đến đứt hơi thở cuối cùng, nhất tâm cầu sinh Tịnh độ thì tự mình không bị lạc đường, lại cũng không rơi vào đường ma, như thế sẽ không nguy hiểm cho kiếp lai sinh.

Hành giả niệm Phật, khi sắp mạng chung thì được Phật A Di Đà hiện thân tiếp dẫn, đây tức được cả hai lực trong cùng một lúc, thành công trong một niệm, quyết định sẽ thấy Phật A Di Đà, trong khoảnh khắc được vãng sinh thế giới Cực lạc, nghiệp để lại Ta bà, thần thức thông dong Tịnh độ, siêu vượt tam giới khổ, hóa sinh chín phẩm hoa sen, sinh vào ngôi bất thoái chuyển, chứng được vô sinh pháp nhẫn. Cho nên cổ đức nói rằng: "Pháp môn niệm Phật là chắc chắn nhất". Thật không hư dối vậy.

Người thời nay, phần đông khen Thiền tông là pháp tối thượng thừa, là pháp môn đốn giáo, có thể nhanh chóng ra khỏi sinh tử, ngay trong phút chốc thành Phật tác Tổ. Lời này quả thật không sai nhưng phải là người thượng căn lợi trí mới có thể làm xong việc trong một đời; còn nếu hạ căn độn trí thì hoàn toàn vô phần. Cho dù là những kẻ căn cơ bậc trung cũng không thể một đời mà xong việc, kiếp sau lại hôn muội không nhớ việc tu hành đời trước của mình để tiếp tục thì cuối cùng cũng không thỏa đáng.

Như ngài Thanh Thảo Đường đời Tống là một vị cự phách trong Thiền tông, một đời tinh tấn tu hành. Lúc về già, thấy một vị Tể tướng cáo lão về hưu vẻ vang quá bèn khởi tâm ao ước, kiếp sau bèn sinh làm con trai trong gia đình họ Tăng, còn nhỏ đã đăng khoa, sau làm quan đến chức Tể tướng. Lấy nghiệp tu hành đời trước để đổi lấy công danh đời sau há không đáng tiếc sao! Thân Tể tướng sau này thăng trầm lên xuống rất là lao nhọc. La trạng nguyên nói rằng: "Giàu sang no đủ nhiều đồ kỹ, công danh vinh hiển lắm thù riêng". Và người niệm Phật chỉ cần đầy đủ ba món tư lương tín nguyện hạnh thì lúc lâm chung được Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sinh về thế giới Cực lạc, vĩnh viễn không còn bị trầm luân. Hóa sinh hoa sen ở thế giới Cực lạc là lần sinh sau chót, thọ mạng không thể lường. Được ở cùng với chư thượng thiện nhân, nương theo chư thượng thiện nhân nên việc tiến tu rất nhanh

chóng, được thành Phật, thẳng chúng vô thượng Bồ đề. Pháp môn ổn đáng như vậy, thử hỏi còn có pháp môn nào hơn?

CHƯƠNG IV. NIỆM PHẬT LÀ PHƯƠNG TIỆN THÙ THẮNG NHẤT

Đức Phật nói ra vô lượng pháp môn đều là tùy căn cơ mà phương tiện giả lập, để cho tất cả chúng sinh đều được lợi ích. Và trong muôn ngàn phương tiện ấy, thù thắng hơn hết vẫn là pháp môn niệm Phật. Nay lược đưa ra những điểm thù thắng như sau:

1/ Niệm Phật phương tiện vượt thắng hơn hết, tức là pháp môn niệm Phật phổ thông cho mọi căn cơ, ngu trí, tăng tục, nam nữ, giàu nghèo gì cũng đều tu trì được, bất luận ở đâu, triều đình công phủ, chợ búa gia duyên, bần rảnh động tĩnh gì cũng đều có thể Nam mô A Di Đà Phật. Chỉ cần một lòng niệm Phật thì đui, điếc, câm, ngọng đều được vãng sinh, tức tức vượt qua sinh tử vĩnh viễn, vậy còn gì thù thắng bằng?

Hoặc bảo pháp môn niệm Phật là pháp môn chỉ dành cho những kẻ gọi là ngu phu ngu phụ tu trì, thành phần tri thức cần gì tu pháp môn này. Thử hỏi: Người tri thức thời nay, ai vượt qua được hai đại sĩ Văn Thù, Phổ Hiền? Hai vị ấy đều phát nguyện vãng sinh Tịnh độ. Ngài Phổ Hiền nói kệ rằng: "Nguyện tôi lúc mạng chung, trừ hết bao chướng ngại; mắt thấy Phật Di Đà, liền vãng sinh Cực lạc". Ngài Văn Thù cũng nói kệ như thế. Lại có ai vượt hơn hai vị Đại sư Vĩnh Minh, Liên Trì chăng? Tài hoa trí tuệ của hai vị ấy cổ kim đều cung ngưỡng. Vậy mà các Ngài đều tu pháp môn niệm Phật, hết sức xiển dương Tịnh độ tông; trước tác những bộ sách rất phong phú để lại cho đời. Chúng ta là người thế nào mà nói chẳng cần niệm Phật? Như ngôn ngữ nói: "Thông minh quá hóa ngu", là hạng người này vậy.

Hoặc bảo niệm Phật là việc của người xuất gia, người tại gia không cần phải niệm Phật. Lời này không những chỉ cô phụ tấm lòng xót thương của Phật mà đồng thời còn để lại sai lầm cho kẻ hậu học. Chư Phật nói pháp là muốn cho hết thảy chúng sinh được lợi ích, Ngài nói ra pháp môn niệm Phật này thượng trung hạ căn đều khả đắc, chín cõi đều được siêu thoát thì chính là pháp rộng độ hết thảy chúng sinh, chứ nào chỉ độ riêng cho người xuất gia còn người tại gia thì bỏ mặc, đã là phổ độ thì đâu có phân ra tăng, tục. Cho nên không luận là già, trẻ, gái, trai đều phải phát tâm niệm Phật mới được đắc độ. Hãy thử xem "Tịnh độ vãng sinh tập", biết bao nhiêu người tại gia nhất tâm niệm Phật, lúc lâm chung hiện tướng lành, vãng sinh Tây phương Cực lạc.

Hoặc bảo niệm Phật phải đến chùa mới niệm được, phải đối diện trước Phật đài, chắp tay cung kính, còn những nơi khác thì không thể. Những người này cũng không hiểu lý niệm Phật. Nên biết niệm Phật thì đi, đứng, nằm, ngồi 12 thời mỗi ngày, chỉ trừ lúc đại tiểu tiện, còn ngoài ra bất cứ nơi đâu, lúc nào đều có thể niệm Phật. Điều chính yếu là niệm niệm tương tục mới có thể lấy công phu niệm Phật, niệm đến độ thuần thục thành "phiến". Tốt nhất là trong giấc mộng cũng nhớ niệm Phật. Nếu được như thế thì lúc sắp mạng chung mới nắm phần chắc, không bị điên đảo. Xưa có thơ rằng:

Đi thời nhất chí niệm Di Đà,
Một bước thì là một câu qua;
Dưới chân thời thời đều Cực lạc,
Trong lòng phút phút thoát Ta bà;
Trồng hoa bón liễu không rời bỏ,
Trèo non lội suối cũng niệm ra;

Cực lạc các anh đều lên cả,
Mười phương đi lại mặc vào ra.
Đứng thời niệm Phật khéo quán thân,
Trong tứ đại này chỉ nó chân;
Ta với Di Đà nào có khác,
Ảnh thêm trắng sáng đúng tam nhân;
Căn nhà sắp mục nên khó ở,
Tịnh độ tuy xa lại dễ sinh;
Như ve ngày nào vừa thoát xác,
Hoa sen ngàn cánh hóa kim thân.
Ngồi thời quán Phật tréo kiết già,
Thẳng mình đoan chính trên đài hoa;
Tướng lông trắng giữa chân mày hiện,
Thân sắc vàng tươi hợp với tâm.
Việc như mộng huyễn vốn tịch không,
Rốt ráo viên dung chẳng có không;
Ngày nào khéo tỉnh chân thiền tọa,
Cực lạc Niết Bàn mặc sức qua.
Lúc năm niệm Phật chớ phóng tâm,
Buộc chặt hồng danh trong lặng câm;
Vừa nằm gió mát đưa qua mặt,
Đến canh ba trắng sáng vắng vặc.
Không như trần lụy tâm khó dứt,
Sinh tại hoa sen mộng dễ thành;
Giấc ngủ chập chờn chư Phật hiện,
Tỉnh ra cảnh ấy khá rành rành.

Nếu trong giấc mộng không nhớ niệm Phật là do công phu chưa thuần thục, lúc tỉnh nên đến trước Phật, hổ thẹn sám hối, nhờ đó càng thêm tinh tấn. Sau hai, ba mươi năm niệm Phật thì tự nhiên trong giấc ngủ mê cũng niệm Phật không ngừng nghỉ. Nên biết người sống như tỉnh, người chết như mộng, lúc sống thường niệm Phật thì khi chết tự hay niệm Phật vãng sinh. Lại công phu niệm Phật, cần phải khảo nghiệm chính mình, nếu trong cảnh thuận nghịch mà còn phiền não hay vui thích thì cứ như cũ niệm niệm không ngừng, không vì yêu ghét mà động tâm thì đã được nhất tâm bất loạn, cửa sinh tử coi như đóng lại vậy.

Hoặc bảo niệm Phật là công việc của ông già bà cả, tuổi trẻ bất tất phải niệm. Lời này cũng rất mê lầm. Nên biết mạng người vô thường, chết sớm hay muộn nào có ai hay biết trước, cho nên hãy nên phát tâm niệm Phật, càng sớm càng tốt. Quả được trường thọ thì nhiều năm niệm Phật, công phu sâu ắt được phẩm vị cao. Người xưa dạy rằng: "Chớ đợi tuổi già mới học đạo, mồ hoang lắm kẻ tuổi xuân xanh". Lời dạy thật là thấm thía, hãy nên sớm tỉnh giấc mộng, dũng mãnh tinh tấn, nếu sớm niệm Phật thì cho dù định nghiệp khó thoát, yếu mệnh mà chết, thì tịnh nghiệp đã tu, tịnh duyên đã kết, tuy công hạnh chưa được thâm sâu, nhưng tín thâm nguyện thiết cũng được Phật tiếp dẫn vãng sinh Tây phương Cực lạc. Lại có thơ khuyến tu rằng:

Khuyên các anh em sớm tu mau,
Thời gian không đợi tuổi già đâu.
Nó tựa mũi tên lao thẳng vút,
Đã qua rồi ắt khó trở lui.
Đông qua hạ đến thôi già mất,
Mới đó thanh niên... bạc trắng đầu.

Có thuyết lại nói rằng niệm Phật là việc của những người nhàn rỗi, những người bận bịu không thể niệm Phật. Há không nghe cư sĩ Bạch Lạc Thiên nói: "Đi cũng A Di Đà, ngồi cũng A Di Đà, cho dù gấp đến mấy, cũng chẳng bỏ Di Đà". Ngày xưa vợ chồng Cát Tể Chi nhà rất nghèo, người vợ hằng ngày dệt vải để kiếm ăn qua ngày. Một hôm có vị tăng nhân đến nhà, dạy cho pháp môn niệm Phật, Thị theo lời niệm không ngừng nghỉ, mỗi thoi đưa là một câu niệm Phật, niệm lâu thành quen nên cả ngày dệt vải nhưng không thấy vất vả. Người chồng tu theo đạo Tiên, khuyên Thị bỏ niệm Phật để luyện đơn dược, Thị không nghe, vẫn dệt vải niệm Phật. Một ngày, lúc đang dệt vải niệm Phật, bỗng Thị thấy Phật A Di Đà hiện trên không trung, hào quang chiếu diệu, Thị vội đứng dậy lễ bái đồng thời bảo Tể Chi chiêm lễ, Tể Chi cũng thấy được nửa thân Phật nên sinh tâm tín kính: "Niệm Phật thấy Phật, quả có việc ấy, thì lúc mạng chung, mong Phật tiếp dẫn, thật không hoang đường". Và đốt hết kinh sách, quay về tu pháp môn niệm Phật. Sau hai vợ chồng lâm chung đều có tướng lành, đồng sinh về nước Cực lạc. Điều này đã minh chứng niệm Phật không chướng ngại công việc, cần gì nhất định phải là người nhàn rỗi mới có thể niệm Phật.

2/ Phương tiện thù thắng thứ hai của niệm Phật là được đối nghiệp vãng sinh. Chúng sinh tạo nghiệp tất phải theo nghiệp thọ báo là điều đương nhiên. Kinh Địa Tạng nói rằng: "Sức nghiệp rất lớn, nó có thể ngang bằng với núi Tu Di, sâu như biển, hay làm chướng ngại thánh đạo, cho nên chúng sinh chớ khinh việc ác nhỏ mà cho là không tội. Sau khi chết phải chịu quả báo, hào tử cũng không tránh khỏi. Chí thân như cha mẹ cũng không thay thế cho được". Nếu còn mang nghiệp thì không thể liễu sinh thoát tử.

Như pháp sư An Thế Cao, nhiều đời xuất gia tu hành, có một kiếp làm thái tử nước An Tức, lìa bỏ ngũ dục, xuất gia tu hành, hiện kiếp đắc túc mạng thông biết được đời trước thiếu nợ mạng người, người chủ nợ ở Trung Quốc. Thế là tiền thân An Thế Cao bèn đáp thuyền đến, tới Lạc Dương, đương lúc ngang qua cánh đồng trống, bỗng xuất hiện một thanh niên trẻ, lưng đeo bảo kiếm, từ xa thấy pháp sư đã nộ khí xung thiên, đến gần không nói không rằng vung gươm chém xuống. Sau khi chết, linh hồn pháp sư lập tức đến nước An Tức đầu thai, lại làm thái tử, lớn lên cũng phát tâm xuất gia tu hành, chứng túc mạng thông, biết đời trước đến Lạc Dương hoàn mạng, nay còn nợ một mạng cần phải trả cho xong, chủ nợ cũng ở Lạc Dương. Một lần nữa An Thế Cao (thân trước) lại đáp thuyền đến Trung Quốc, vào tá túc trong gia đình người đã giết pháp sư đời trước. Vì sao trước kia giết pháp sư, mà nay lại cho tá túc? Vì mạng đã trả xong rồi vậy. Lúc dùng cơm tối, tiền thân An Thế Cao hỏi: "Ông nhận ra tôi không?". Chủ nhân đáp: "Không". "Tôi chính là người mà ông đã giết ngày... tháng... năm... ở ngoài đồng ấy". Chủ nhân thất sắc. Quái! Việc này làm gì có người thứ ba nào biết, chắc ông tăng này là quỷ đến đòi mạng rồi, bèn đứng dậy định bỏ chạy. Sư kéo tay bảo ngồi xuống, nói: "Chớ hốt hoảng như thế! Tôi không phải là quỷ đâu". Sư nói rõ sau khi bị giết, linh hồn lại trở về nước An Tức đầu thai, lần này còn nợ một mạng muốn trả cho xong: "Ngày mai tôi sẽ bị người đánh chết, vì muốn đền trả nợ cũ, xin ông hãy làm chứng giùm, thay tôi nói với quan phủ rằng: Chính tôi muốn trả nợ, quan đừng bắt tội người vô ý giết tôi". Hôm sau, hai người cùng ra phố, An Thế Cao đi trước, gia chủ theo sau. Phía trước, một nông phu đang gánh một gánh củi nặng, quang gánh trước bỗng nhiên rớt xuống, đòn gánh bật ngược ra sau, trúng ngay đầu tiền thân An Thế Cao vừa đi tới, chết ngay tại chỗ. Anh tiều phu bị bắt ngay lập tức. Gia chủ thấy hoàn toàn phù hợp với những gì đêm qua Sư nhờ vả, bèn thuật hết đầu đuôi cho quan phủ. Quan phủ nghe xong, tin nhân

quả thật sự không lằm, bèn xá tội cho người tiều phu mặt đang xanh như tàu lá. Sau khi chết, linh hồn tăng nhân đến nước An Tức, đời thứ ba lại đầu thai làm thái tử, cũng xuất gia tu hành, là An Thế Cao thời nay vậy. Nghiệm đó thì biết, nghiệp buộc rất khó trốn chạy, như pháp sư An Thế Cao, hai đời trước từng là cao tăng, biết được việc đời trước mà còn không thể chuyển nổi các nghiệp tạo từ vô thi ấy, huống hồ gì phàm phu chúng ta. Và pháp môn niệm Phật có thể mang nghiệp vãng sinh, thù thắng biết dường nào.

Việc đời nghiệp vãng sinh của pháp môn niệm Phật, công năng thật khó nghĩ lường, nên xưa nay biết bao người hoài nghi. Xưa có vị quốc vương hỏi Na Tiên Tỳ kheo rằng: "Người niệm Phật có thể đời nghiệp vãng sinh à? Việc này khó tin lắm". Na Tiên hỏi: "Này Đại vương, tảng đá bỏ xuống nước có chìm không?". Vua đáp: "Tất nhiên là chìm". Na Tiên lại hỏi: "Nếu muốn đá không chìm, điều ấy có thực hiện được không?" Vua đáp: "Không thể được". "Nếu đặt tảng đá ấy lên thuyền, được không?". Vua lãnh ngộ: "Được". Nên biết chúng sinh mang nghiệp, tất phải đọa lạc, như đá tất nhiên là phải chìm vậy. Người niệm Phật, nhờ vào nguyện lực của Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sinh, nương vào chiếc thuyền đại nguyện của Phật nên được đời nghiệp, giống như đá được đặt lên thuyền chở đi khắp nơi vẫn không chìm vậy.

Lại dẫn thêm một chuyện để chứng minh đời nghiệp vãng sinh. Ngày xưa Trương Thiện Hòa sống bằng nghề giết mổ trâu bò. Một ngày, Hòa lâm bệnh, khi sắp mạng chung, thấy bầy trâu bò đến đòi nợ, con thì lấy sừng móc mắt, con thì dẫm đạp lên thân, con thì húc vào bụng, Trương sợ quá gọi vợ thỉnh chư Tăng cứu độ. Một cao Tăng được thỉnh tới bảo với Thiện Hòa rằng: "Đừng sợ! Ông đời này nghiệp sát quá nặng, không có pháp nào khác cứu được ông, chỉ có xưng niệm "Nam mô A Di Đà Phật" mới có thể

giải oan cho ông, mới có thể làm cho ông thoát khổ, hãy niệm theo tôi!”. Tăng nhân niệm lớn "Nam mô A Di Đà Phật", Trương Thiện Hòa cầm hương niệm theo "Nam mô A Di Đà Phật". Niệm được mấy tiếng, Trương Thiện Hòa nói: "Trâu đi hết rồi!". Tăng khuyển niệm tiếp cầu sinh Tây phương, Trương Thiện Hòa lại càng khẩn thiết, một lát nói lớn: "Phật đến tiếp dẫn tôi", bèn cầm hương, chắp tay, niệm Phật mà tịch. Đây tức chứng minh cho việc đời nghiệp vãng sinh, thiết tha khuyên mọi người, thấy được nhân duyên niệm Phật đời nghiệp vãng sinh, nên suy xét cho kỹ, chớ có hiểu sai. Nếu bảo niệm Phật có thể vãng sinh rồi lúc sống tha hồ tạo nghiệp, ỷ lại vào Phật, đợi lúc sắp mạng chung mới niệm Phật để cầu đời nghiệp vãng sinh, nhất thiết không được có tư tưởng như vậy. Nên biết niệm Phật lúc lâm chung là việc không dễ dàng, nếu không có thiện căn nhiều đời thì lúc lâm chung tuyệt đối không thể niệm Phật. Trương Thiện Hòa một đời sát sinh tuy ác nhưng chắc chắn đời trước có thiện căn; nếu không, thì không thể bảo vệ thỉnh Tăng cứu độ, cũng không thể gặp được đại cao Tăng dạy cho pháp môn niệm Phật. Mong chư hữu, trước cần ngăn ngừa điều ác, chớ đợi sau rồi cầu Phật, thường ngày nên niệm nhiều câu Phật hiệu, chớ chờ lúc chết mới cầu siêu. Lời xưa dạy rằng:

Cho ngựa phi nước đại
Đến vực mới kéo cương
Làm sao còn kịp nữa
Người ngựa ắt như tương
Lại nữa lái thuyền ra
Đến giữa dòng sông kia
Mới bắt đầu vá lũng
Thân mạng có toàn không?

3/ Phương tiện thù thắng thứ ba của niệm Phật tức là được chứng thẳng vào ngôi bất thoái, Đại sư Quang Minh Thiện Đạo, Tổ thứ hai Liên Tông nói: "Tu các pháp môn khác, quanh co rất khó thành; duy chỉ pháp môn này, rất nhanh siêu ba cõi". Chúng sinh ở cõi Ta bà này, căn cơ ám độn, chướng nạn sâu dày, người phát tâm tu hành rất ít, và những người phát tâm mà kiên cố bất thoái lại càng ít hơn. Hoặc vì quá trọng tẩm thân năm ấm này, sợ khó khổ, trước tinh tấn về sau biếng nhác, nên công phu không đủ để tiến tới; hoặc vì hoàn cảnh xấu ác, duyên trợ đạo ít, duyên chướng đạo nhiều, vừa mới phát tâm tu hành thì gặp ngay những điều chướng ngại, không đủ sức đả phá bèn thoái sơ tâm; hoặc do tứ đại bất hòa, bệnh hoạn phát sinh liên tục; hoặc vì ngoại ma làm chủ, hiện muôn hình sắc để phá hoại, hoặc bởi nội ma nhiễu loạn, tin theo tà giải. Xưa nói: "Đạo cao một thước, ma cao một trượng". Những nhân duyên thoái đạo nhiều không thể kể xiết.

Cho dù một đời tinh tấn tu hành, nhưng khi duyên đời đã mãn mà đạo nghiệp chưa thành thì khi chuyển sang thân khác vẫn bị mê mờ, không nhớ nghiệp tu hành đời trước nên không thể tiếp tục. Hễ rơi vào cõi bụi trần, tham dục sinh thì vẫn cứ mãi trầm luân trong khổ hải, không thể siêu bạt. Hồi còn trẻ, tôi từng nghe kể một câu chuyện khá có lý, nay chép lại để chứng minh cho việc đạo nghiệp chưa thành, qua đời sau ắt sinh thoái thất. Tức chuyện Tô Đông Pha, tương truyền là hậu thân của Thiền sư Ngũ Tổ Giới, tài hoa mẫn tiệp, sinh vào đường làm quan, từng cưới biết bao thê thiếp, chìm trong ngũ dục không biết tỉnh giác. Thiền sư Phật Ấn muốn độ Tô Đông Pha. Một ngày, Thiền sư đến nhà ông tá túc, Tô Đông Pha sai vợ lẽ hầu cận, nửa đêm Thiền sư bảo cô hầu lấy bảy cái lò, dùng than củi nhóm hết cả bảy, lại lấy một cái nồi đất đổ đầy nước bắc lên nấu, nước cạn, lại sai nấu tiếp, lần thứ hai, lần thứ ba, mỗi lần để trên một lò, thứ tự nấu hết đủ bảy cái. Cô hầu chẳng hiểu ý gì, Thiền sư thì an nhiên tĩnh tọa. Nồi đất nấu

lâu không chịu được lửa vì nước đã khô tự bao giờ, bỗng rắc, rắc chiếc nồi vỡ toang. Thiền sư mỉm cười bảo nữ tỳ rằng: "Đêm đã quá khuya, con về nghỉ được rồi". Sáng dậy, Tô Đông Pha hỏi vợ: "Đêm qua Thiền sư có nói gì không?". Cô kể lại hết đầu đuôi. Tô Đông Pha giác ngộ – nếu không đoạn dứt ắt phải mất mạng như cái nồi đất trên lò lửa kia, nước khô ắt phải nứt bể. Từ đó Tô Đông Pha tu tập thiền định.

Tu hành ở cõi này mà muốn bất thoái thật vô cùng khó. Bồ Tát tu tập ở địa vị thập tín, tiến lên thoái xuống gọi là phàm phu. Như sợi lông bay trong không trung, vì gió mà khi tung lên khi hạ xuống, phải trải qua một vạn kiếp tín tâm tu hành đầy đủ mới được thiện căn thuần thực, vào chánh định mới lên Sơ trụ, được quả vị bất thoái. Đến thập hạnh được thập bất thoái, từ đó mặc ý tu hành, niệm niệm lưu nhập trong biển nhất thiết trí. Và pháp môn niệm Phật người xưa gọi là con đường tắt trong con đường tắt, nếu có niềm tin sâu xa, phát nguyện cầu sinh Tịnh độ, niệm Phật không ngừng thì lúc mạng chung quyết định vãng sinh, chứng đủ tam bất thoái. Kinh A Di Đà nói: "Những chúng sinh sinh lên cõi ấy, đều là bất thoái chuyển". Bất thoái có ba:

1. Vị bất thoái: Dự vào dòng thánh, không còn đọa lại phàm phu.
2. Hạnh bất thoái: Luôn thường độ sinh, không rơi vào nhị thừa.
3. Niệm bất thoái: Nhậm vận tăng tiến, chứng nhập Như Lai địa.

Chẳng phải là lên cõi ấy tu lâu mới được tam bất thoái, mà là chúng sinh hạ phẩm mới sinh lên cũng được tam bất thoái. Cho đến lúc lâm chung, mười niệm không rời, người đời nghiệp vãng sinh cũng đắc chứng tam bất thoái vậy. Phương tiện thù thắng như vậy, nếu không có đại nguyện của Phật A Di Đà, công trì danh to lớn há đến được cõi ấy sao!

CHƯƠNG V. NIỆM PHẬT TIÊU ĐƯỢC NGHIỆP CHƯỚNG

Hết thảy chúng sinh, vì vọng động từ vô thi kiếp mà có vô minh, mê lầm đã trải qua số kiếp nhiều như cát bụi. Khởi tâm động niệm tạo biết bao ác nghiệp nên che mất Phật tánh của mình. Nghiệp chướng không trừ thì Phật tánh không thể hiện tiền. Vì thế Đức Thích Ca Mâu Ni đã tuyên dương pháp môn niệm Phật này, dạy người tiêu trừ nghiệp chướng. Kinh rằng: "Một câu niệm Phật có thể tiêu trừ trọng tội của 80 ức kiếp". Sao niệm một câu Phật hiệu mà diệt được tội nặng nhiều đời đến thế? Đã phát tâm niệm Phật tức đại trí huệ hiện tiền vậy. Thí như ánh sáng của một ngọn đèn, xua tan được bóng tối đã nghìn năm, niệm Phật diệt tội cũng lại như thế.

Cho dù nghiệp nặng chướng sâu đến mấy, thiết tha niệm Phật cũng có thể đánh tan. Còn nếu niệm Phật mà tâm vẫn quay cuồng trong nghiệp thức cũ, vọng tưởng tạp loạn tới tấp, đây đều do phát tâm không tha thiết, niệm lực không sung mãn, nên không địch lại nghiệp chướng. Kinh rằng: "Chúng sinh nghiệp chướng nhiều, cần phải niệm thân Phật, báo thân Phật, pháp thân Phật" (niệm Phật quán). Nếu hay nhất tâm xưng niệm thì sẽ được sự hộ niệm của chư Phật, được ánh sáng của Phật A Di Đà phóng chiếu, tự được Minh huân gia bị (minh huân: còn gọi nội huân, là chân như trong bốn giác, minh minh huân tập vọng tâm, khiến cho phát sinh tâm Bồ đề) nghiệp chướng dần được tiêu trừ, thiện căn ngày một tăng trưởng.

Triều nhà Tấn phụng chỉ (vâng lệnh vua) đào thải Tăng chúng, vua kính mộ đức của Viễn Công ở Lô Sơn nên sắc lệnh trừ Lô Sơn ra, Tăng sĩ các nơi bắt hoàn tục hết. Thời có hai vị Tăng, một bị chột mắt, một thọt chân, đây đều là quả báo nghiệp chướng sâu nặng, sợ bị thải nên hai vị trốn vào Lô Sơn,

khẩn thiết xin Viễn Công thâm nạp, y giáo tu hành cho trọn đến già. Viễn Công dạy phát nguyện rộng, tu trì pháp môn niệm Phật để tiêu trừ nghiệp chướng. Tăng chột mắt phát nguyện đời sau sinh làm đại thiện tri thức, để hoằng dương tông Tịnh độ. Tăng thọt chân phát nguyện đời sau sẽ làm vua để hưng long Phật pháp. Hai vị Tăng này chỉ nhờ vào công đức niệm Phật mà được tiêu trừ nghiệp chướng, đời sau mỗi người đều được như sở nguyện. Thân sau của Tăng chột mắt là Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ, một đại cao Tăng, lấy Vạn thiện (Vạn thiện là gọi tắt của các tập sách Vạn Thiện Tiên Tứ tập, Vạn Thiện Đồng Quy tập, Vạn Thiện Đồng Quy giáo của Đại sư Diên Thọ trước thuật) trang nghiêm Tịnh độ. Thân sau của Tăng thọt chân là vua nước Cao Ly, một đời tin sâu Tam bảo, hết mình hộ trì Phật pháp, sau đến Trung Quốc hộ trì pháp của Đại sư Vĩnh Minh, pháp môn Tịnh độ thịnh hành một thời vậy.

Xưa lại có chàng đồ tể, sống bằng nghề mổ heo, người vợ tu trì pháp môn niệm Phật, thường khuyên chồng sát sinh nghiệp nặng, nhất định phải chịu ác báo, nên niệm danh hiệu Phật A Di Đà để tiêu trừ nghiệp chướng. Người chồng lúc đầu không tin, sau nhiều lần khuyên bảo, chàng ta có chút tín kính, nhưng vì căn cơ thiển bạc nên thường hay quên, không nhớ niệm Phật. Người vợ thông minh, khéo léo nghĩ ra một cách, trên các cửa bà đều treo một cái chuông nhỏ, khi gió khua vào kêu leng keng. Bà khuyên chồng mỗi khi nghe chuông kêu một tiếng thì niệm một câu Phật hiệu, ngày ngày như thế, nghe tiếng chuông người chồng bèn nhớ niệm Phật. Mấy năm sau, người chồng bệnh chết, thần hồn bị bắt xuống vua Diêm La, theo nghiệp định tội, phạt làm súc sinh để đền trả nợ cũ, Diêm La sai quỷ tốt cho nhập vào thai heo. Quỷ tốt cầm nĩa sốc tới, vòng đồng trên nĩa rung lên kêu leng keng, chàng đồ tể vừa nghe liền niệm lên một tiếng "Nam mô A Di Đà Phật". Lúc ấy trên đầu mũi nĩa bỗng hóa một hoa sen, nên nĩa không chạm

được vào thân, nhờ công đức niệm Phật nên được vắng sinh Tịnh độ tức thì, đây tức niệm Phật tiêu được nghiệp chướng.

Nghiệp chướng là một trong ba chướng. Nướng vào hoặc chướng mà tạo nghiệp chướng, vì nghiệp chướng mà phải thọ báo chướng, chúng ta mỗi người luân hồi trong sáu đường đều đủ ba chướng. Nếu nghiệp nhiều đời được tiêu trừ, lại không tạo nghiệp mới thì sẽ không thọ quả báo. Đức Phật dạy chúng ta niệm Phật tức là pháp tiêu trừ nghiệp cũ không tạo nghiệp mới vậy. Chuyên tâm hệ niệm, không dừng nghỉ trong câu danh hiệu A Di Đà, niệm niệm ánh sáng tâm chiếu vào danh hiệu Phật, thời thời ánh sáng Phật đều chiếu vào người hành trì, ánh sáng tâm và ánh sáng Phật giao nhau, tâm lực với Phật lực khó nghĩ bàn, tức đây được tiêu nghiệp chướng, như ánh sáng mặt trời phá được bóng tối ngàn năm, sức gió có thể quét sạch mây đen ngàn lớp.

Những người phát tâm tu hành, không tin pháp môn Tịnh độ, không chịu niệm Phật thì cho dù có đắc năm món thần thông cũng khó tiêu trừ nghiệp chướng. Xưa có bốn anh em cùng tu hành, mỗi người đều chứng được ngũ thông. 1/ Thiên nhãn thông: Thấy được hết thảy các thế giới. 2/ Thiên nhĩ thông: Nghe được hết thảy các âm thanh trong thế giới. 3/ Tha tâm thông: Biết hết mọi ý nghĩ của người khác. 4/ Túc mạng thông: Biết được các việc trong ba đời. 5/ Thần túc thông: Có thể bay khắp mọi nơi, đi lại tự tại. Một ngày, người anh lớn biết được, ngày mai vào giờ ngọ vô thường sẽ đến viếng bốn anh em, cả bốn người đều phải chết. Người anh bèn hỏi: "Các em có biết ngày mai sẽ xảy ra chuyện gì chẳng?". Các em đều trả lời: "Đúng ngọ ngày mai, bốn anh em chúng ta bị quỷ vô thường đến thăm hỏi". (Vô thường là không thể thường trụ, là tên khác của cái chết). Người anh cả nói: "Phải làm cách nào để tránh?". Các người em đáp: "Chúng ta có thần

thông, quý vô thường chẳng làm gì ta được!”. Sau khi quyết định, người anh nói: "Anh sẽ vận thần thông trốn trên hư không". Người em thứ hai nói: "Em sẽ trốn tuốt dưới đáy biển sâu". Người em thứ ba nói: "Em sẽ dùng thần thông trốn trong vực núi". Người em út: "Em sẽ vào chợ, ở đó đông người, thần chết sẽ không tìm ra em". Hôm sau bốn anh em đều vận thần lực để trốn chết, nào ngờ nghiệp chướng chưa trừ, đúng ngọ thì bốn anh em đều mất hết thần lực. Người bay lên trời thì rơi xuống đất mà chết; người dưới biển sâu thì bị cá ăn thịt; người trốn trong vực núi thì bị hổ đói nuốt sống; người trốn trong chợ thì vì chen chúc bị đạp lên thân mà chết. Như Đại sư Hám Sơn nói: "Cõi này vốn là nơi giả tạm, huyễn thân sao thoát khỏi vô thường. Thành tâm khuyến tỉnh mọi người, không nên tham cầu thần thông, chỉ cần thành tâm niệm Phật, nguyện sinh Tịnh độ thì nghiệp chướng ắt được tiêu trừ, lâm chung được Phật Bồ Tát cầm đài vàng tiếp dẫn, vĩnh viễn thoát khỏi vô thường và chứng được niềm vui của chân thường, như vậy há không tốt sao!".

Sức của nghiệp rất lớn, hết thảy chúng sinh đều bị nghiệp chuyển, chỉ có niệm Phật mới tiêu trừ được nghiệp. Con sáo niệm Phật cũng còn được đời nghiệp vãng sinh. Xưa có một người nuôi một con chim sáo biết nói tiếng người, một hôm một vị Tăng đến nhà chơi, niệm Nam mô A Di Đà Phật, con sáo liền nói theo Nam mô A Di Đà Phật, vị Tăng niệm nữa, con sáo cũng niệm. Sau khi vị Tăng ra về, ngày nào con sáo cũng thường niệm Phật, người chủ thấy thế bèn biểu con sáo cho chùa. Vị Tăng thấy con sáo thật lạ, bèn khai thị hai môn công phu hữu niệm niệm Phật và vô niệm niệm Phật, sáo tự như có lãnh hội. Một ngày, vị Tăng thấy con sáo sắp chết bèn trợ niệm cho nó, sau khi chết vị Tăng cũng chôn cất đàng hoàng. Vài ngày sau, trên mộ bỗng mọc lên một hoa sen, vị Tăng lập tức quật ngôi mộ lên để

xem thử hoa sen mọc từ chỗ nào, thì ra hoa sen mọc ở đầu lưỡi sáo. Sau có người tụng rằng:

Có một con chim sáo
Theo Tăng niệm Di Đà
Tăng thương nên khi chết
Chôn cất hẳn hoi a
Vài ngày sau trên đất
Mọc lên một Liên hoa
Bọn người chúng ta há không biết?

Nên biết rằng sáo chỉ là loài cầm thú, nhân học theo lời Tăng, niệm Phật còn được vãng sinh, lưỡi sinh hoa sen, đó đủ để chứng minh. Và chúng ta là con người, là vật tối linh của vạn vật, nếu không phát tâm niệm Phật thì chưa khỏi trên phụ ân Phật, dưới phụ tánh linh của mình. Cho nên La trượng nguyên nói: "Muôn vật trên đời đều mộng huyễn, chi bằng hãy sớm niệm Di Đà".

CHƯƠNG VI. NIỆM PHẬT CHỚ CẦU PHƯỚC BÁO

Người đời phần nhiều niệm Phật nhưng không hiểu ý nghĩa, hoặc hỏi: "Anh niệm Phật tinh tấn thế là để cầu gì?". Đáp rằng: "Để cầu phước báo đời sau". Những người như thế là nguyện lực đã sai rồi. Đức Thích Ca sở dĩ lập pháp môn niệm Phật, là vì chúng sinh ở cõi Ta bà này bị các thứ khổ não bức bách thân tâm, nên dạy niệm Phật cầu sinh Tây phương để thoát ly Ta bà khổ, được niềm vui Cực lạc. Nay niệm Phật không nguyện vãng sinh Tây phương mà lại cầu đời sau làm người để hưởng phước lạc thế gian thì thật là đáng tiếc. Không biết rằng ở thế gian, hết thảy đều là khổ, không, vô

thường, nào có niềm vui chân thật? Dù được giàu sang vinh hiển, được những điều khoái lạc của ngũ dục thế gian như tài, sắc, danh, thực, thù đi nữa thì những khoái lạc này đều chẳng phải là chân lạc. Người xưa dạy rằng: "Chỉ sắc thân này, ai tin thân là gốc khổ? Tham đắm dục lạc ở đời, không biết niềm vui ấy là nhân của khổ!". Lại có kinh nói rằng: "Tiền tài, danh vọng, sắc đẹp, ăn uống, ngủ nghỉ là năm điều căn bản để đọa vào địa ngục, nếu không trừ tận ngũ dục thì không bao giờ ra khỏi trần lao. Nếu cầu phước báo đời sau, sinh vào gia đình giàu có, hưởng thọ phước lạc, nhưng nào có biết công danh phú quý ở đời phù hư như hạt sương đầu ngọn cỏ, như bong bóng mặt hồ, rồi trong phú quý không tu hành, phước báo hết ắt phải đọa tam ác đạo, ngày hưởng phước thì ngắn, ngày chịu khổ thì dài". Sư Tử Phong dạy rằng: "Luyện sắc tham tài ham mọi thứ, là con đường tắt mất thân người; ngày nào cũng ê chề rượu thịt, là nhân địa ngục đã trồng sâu; trước mắt cầu khoái lạc nhất thời, chết xuống chịu đặng cay muôn kiếp".

Niệm Phật, được ly khổ đặc lạc. Nếu không cầu ra khỏi Ta bà, cầu sinh Tịnh độ thì trong biển khổ Ta bà chịu khổ muôn đời kiếp. Ta bà là thế giới cực khổ, khổ ấy vô lượng nói không cùng tận, nay chỉ lược nói tám khổ mà người đời không thể tránh khỏi.

1/ Sinh khổ: Người đời đều theo nghiệp chuyển mà thọ báo, do ba duyên hòa hợp: nghiệp duyên đời trước, duyên cha và duyên mẹ, thân trung ấm mới được đầu thai. Thấy cha mẹ giao cấu bỗng động dục niệm, do đó kết tướng thành thai, bên dưới là Sinh tạng, trên là Thực tạng và giữa là bào thai. Lúc mẹ ăn thức nóng vào, bào thai phải bị chịu nóng rất dữ dội, tựa hồ như ở trong vạc dầu sôi. Khi mẹ ăn thức lạnh vào, bị thức lạnh áp bức không khác gì địa ngục hàn băng. Mười tháng ở nơi tối tăm, xung quanh

chỗ nào cũng dơ uế, đó là Thai ngục. Lại lúc ra khỏi bào thai, phải chịu khổ của phong đao cắt thân (lạnh như dao cắt), cho nên đứa trẻ lúc mới sinh ra, khóc liên mấy tiếng: Khổ a! Khổ a! Phàm là người, không ai tránh khỏi cái khổ này.

2/ Già khổ: Ngày tháng trôi qua thì thân người cũng bị thời gian lão hóa, mắt mờ tai điếc, tóc bạc da nhăn, khí lực tiêu hao, thân thể khô gầy, chân run gối mỏi... việc gì cũng phải nhờ cậy người khác. Trên hội Lăng Nghiêm, Phật hỏi vua Ba Tư Nặc rằng: "Đại vương cũng bị thời gian làm cho già nua sao?". Vua đáp: "Nó thay đổi trong từng sát na nhỏ nhiệm, trẫm không nhận ra, Thu qua Đông lại, đến nay trẫm đã thế này. Trẫm nhớ hồi còn trẻ, khí huyết sung mãn, nhưng nay răng hầu như sắp hết, tóc đốm bạc khá nhiều, chắc trẫm không còn trụ thế bao lâu nữa". Như thế đủ thấy, tuy làm vua, quý như con trời, làm chủ cả bốn bể mà cũng không tránh khỏi lão khổ. Cổ nhân dạy rằng: "Giàu sang không thể mua tuổi trẻ, ngày tháng trôi qua tóc biến màu".

3/ Bệnh khổ: Khi tứ đại bất hòa thì trăm bệnh phát sinh, thế gian ít có người suốt một đời không bệnh, cổ nhân dạy: "Bệnh đến mới biết thân là khổ, lúc mạnh hãy nên sống vì người". Tạm không nói đến những căn bệnh trầm kha, khốc liệt, chỉ nhưc răng chóng mặt thôi cũng đủ làm cho người ta đi đứng không yên, ăn ngủ sút giảm. Lấy đó để biết, hết thầy các bệnh không bệnh nào là không khổ. Thời Tam Quốc, Trương Phi là một người tính tình cương dũng, nói với Vũ Hầu rằng: "Trên đời này tôi chẳng sợ ai cả!". Vũ Hầu viết một chữ "bệnh" đưa cho xem, hỏi: "Cái này chú có sợ không?". Trương Phi ngược mắt nhìn Vũ Hầu, nói: "Ái chà! Cái này thì tôi đã đau khổ nhiều vì nó". Đủ thấy khi bệnh khổ đến thì anh hùng lực sĩ cũng không thể cưỡng chống lại chúng. Chúng ta lúc bệnh tật, nhất tâm niệm Phật, không

vì bệnh khổ mà phiền não. Như vậy lúc mạng chung, trăm khổ hoành hành, chúng ta cũng được tự tại.

4/ Tử khổ: Kinh rằng: "Nhờ nhân duyên hòa hợp mà có thân này, khi nhân duyên tan rã thì thân hư dối này cũng diệt". Đã có sinh ra ắt có chết đi. Khi sinh thì giả mượn tứ đại làm thân, lúc chết thì tứ đại phân tán, dụ như con trâu sống bị lột da, đau đớn không cùng. Xương thịt gân cốt là Địa đại; máu mủ đàm dãi là Thủy đại; hơi ấm trong thân là Hỏa đại; hơi thở vào ra, tay chân động đậy là Phong đại. Lúc chết thì Phong đại đi trước nên hơi thở chấm dứt, tay chân không còn co quắp. Thứ đến là lửa rời khỏi thân nên thân thể lạnh ngắt. Ba là thủy đại, khi Thủy đại lưu xuất thì chỉ còn lại Địa đại là những gì thuộc về thân thể. Ngạn ngữ nói rằng: "Xương trắng đầu núi thành bùn đất". Chết là một điều tất yếu mà đời người phải trải qua, không ai tránh khỏi. Chúng ta nay còn sống nên khéo quán sát, việc lớn của đời người là sinh tử chứ tiền muôn bạc vạn nào có ích gì, cho dù vợ con thương khóc cũng không cách gì cưỡng lại được. Giả như con đàn cháu đống, có ai thay cái chết cho mình.

Tôi thấy người khác chết
Lòng tôi như lửa thiêu
Chẳng phải xót cho người
Mà là tôi cũng chết.

Cổ nhân dạy:

Hồng hồng trắng trắng chớ dối nhau
Chẳng có ai thịt đỏ cả đâu
Chết đi không bằng trâu với chó

Nay thử nhìn lại tử thi xem.

Trâu dê chết đi, thịt của nó còn có người mua, con người chết thì ai cũng sợ.

5/ Thương yêu mà phải chia lìa là khổ (ái biệt ly khổ): Yêu tức yêu mến, con người yêu mến nhau bất quá là cha mẹ, anh em, vợ chồng, thân quyến, nếu phải xa nhau thì lòng như dao cắt. Gọi là: "Yêu nhau lắm hận nhau cũng lắm, vừa chia tay đã sẵn mối sầu", không biết rằng đời người tụ tán vốn thuộc vô thường, có hợp tất có ly, có gì phải đau khổ. Xưa có lời dạy: "Cha mẹ ân sâu rồi cũng biệt, vợ chồng nghĩa nặng phải chia lìa; đời người tựa chim cùng trú ẩn, gặp đại hạn thời mỗi tự bay".

6/ Ghét nhau mà phải sống chung là khổ (oán tăng hội khổ): Không thương yêu nhau mà phải sống chung là do chiêu cảm nghiệp đời trước; nặng thì kết oán cừu, nhẹ thời ghen ghét tật đố. Ghét nhau mà không xa nhau được, đó biết là do nghiệp lực sai sử, muốn xa nhưng lại sống cùng, hoặc là cha con, hoặc là anh em, hoặc là vợ chồng, hoặc là bè bạn... nặng thì thanh toán lẫn nhau, nhẹ thì chọc nhau gây gổ. Vì nhân duyên mà phải sống chung, không cách gì rời xa nhau được, cũng như người cầm ăn Hoàng liên, đắng ngắt mà chỉ ẩm ứ không thể nói ra. La trượng nguyên có thơ rằng: "Thị thị phi phi ngày nào rõ, phiền phiền não não lúc nào thôi".

7/ Mong cầu không được như ý là khổ (cầu bất đắc khổ): Người đời ai cũng muốn toàn vẹn, nhưng vì bất túc nên sinh mong cầu. Nếu mong cầu được như ý thì hân hoan vui thích, ngược lại thì ưu sầu phiền não, cả ngày ủ rũ. Thế gian như vậy đều do si mê không tự tỉnh giác, phải biết được mất, giàu nghèo đều là nhân quả, há không nghe: "Thế sự luôn luôn như dòng chảy,

chớ đem danh lợi quải trong lòng; cơm lạt áo thô tùy duyên độ, giàu sang vinh hiển chớ mong cầu”.

8/ Năm ấm không điều hòa là khổ (ngũ ấm xí thanh khổ): Năm ấm tức năm loại lửa phiền não sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiêu đốt tâm chúng sinh. Phiền não nếu nặng thì như ngọn lửa bốc mạnh. Hoặc theo nội căn ngoại trần mà khởi phiền não, thuộc sắc ấm; hoặc nương ngũ thức, lãnh nạp năm trần mà khởi phiền não, thuộc thọ ấm; hoặc theo ý thức, tưởng niệm pháp trần mà khởi phiền não, thuộc tưởng ấm; hoặc nương thức thứ bảy, luôn suy nghĩ dẫn đo mà khởi phiền não, thuộc hành ấm; hoặc nương vào thức thứ tám, vi tế lưu chú mà khởi phiền não, thuộc thức ấm. Bảy loại trước là biệt khổ, nay chỉ nói một loại. Loại này là tổng khổ, tổng quát các khổ mà nói, thật là thế sự hết thảy đều là khổ, sao bằng sớm niệm Nam mô A Di Đà Phật.

Tám cái khổ trên chỉ là lược nói về con người, bất luận là trí hay ngu đều không tránh khỏi. Gọi là nghìn người thì có nghìn cái khổ khác nhau, không ai giống ai, nếu phát nguyện tu để hưởng phước báo đời sau, thì lại phải chịu khổ, như vậy há không phải đã nguyện sai rồi sao! Tôi thường dạy người niệm Phật nhất định phải cầu sinh Tịnh độ mới là khổ được vui. Cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà là cõi không có các khổ, chỉ có an vui, vượt hơn các quốc độ Phật khác. Người niệm Phật không những không được nguyện đời sau làm người để hưởng phước báo mà còn không được nguyện thân sau sinh lên cõi trời hưởng lạc. Phước báo cõi trời cũng có một ngày sẽ hết, gọi là "tám vạn kiếp rốt cuộc cũng không, ba ngàn cõi không đâu tồn tại". Thiền sư Vĩnh Gia nói: "Bồ thí, trì giới được phước sinh lên cõi trời, giống như bắn mũi tên lên không vậy; khi sức bắn đã hết thì lại phải rơi xuống đất và lại tiếp tục luân hồi trong ba cõi". Nên biết cầu sinh Tịnh độ, kinh nói

không phải được chút ít phước lành mà được sinh lên cõi ấy. Đại sư Tịnh Am nói: "Nói phước nhiều, không bằng trì danh hiệu Phật; nói thiện nhiều, không bằng phát quang đại tâm. Trì Thánh hiệu, phước hơn bố thí trăm năm; phát đại tâm, phước hơn tu hành muôn kiếp. Niệm Phật là kỳ hẹn làm Phật mà không phát tâm rộng lớn thì niệm Phật ích gì. Phát tâm là gốc của tu hành mà Tịnh độ không sinh thì rất dễ bị thoái chuyển. Gieo hạt giống Bồ đề, cày bằng cày niệm Phật thì đạo quả ắt được tăng trưởng; đáp con thuyền đại nguyện vào biển lớn Tịnh độ thì Tây phương quyết định vắng sinh". Nên khuyên người niệm Phật chớ cầu phước báo trời người. Như đem viên minh châu, đổi lấy sự no ấm bằng bữa ăn chiếc áo, há không đáng tiếc sao? Hãy nên nguyện sinh như kinh A Di Đà khuyến phát nguyện rằng: Chúng sinh nghe xong, hãy nên phát nguyện, nguyện sinh về nước Cực Lạc

CHƯƠNG VII. NIỆM PHẬT ĐOẠN ĐƯỢC PHIỀN NÃO

Sức mạnh phá hoại của phiền não rất lớn, từ phiền não gốc, sinh ra biết bao phiền não cành lá, ngọn gốc trùng trùng không đếm xuể. Người đời phần nhiều hiểu sai về hai chữ "phiền não", cho phiền não chỉ là khi gặp nghịch cảnh, sinh tâm bất như ý. Không biết rằng hai chữ phiền não là tên chung của tâm mê hoặc vi tế, như: tâm tham, tâm sân, tâm si, tâm nghi, tâm mạn, tâm tà kiến, là sáu thứ phiền não căn bản có thể sinh tất cả phiền não cành lá, như: tâm giải đãi, tâm phóng dật, tâm hôn trầm, tâm tán loạn, tâm vô tầm, tâm vô quý, tâm siểm khúc, tâm tật đố... cộng lại có hơn tám vạn, do các pháp hôn phiền ấy (các tâm tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến nói trên đây) hay não loạn chân tánh chúng sinh nên gọi là phiền não.

Phiền não là khổ nhân, sinh tử là khổ quả; không đoạn khổ nhân thì ắt phải nhận chịu khổ quả. Hết thảy chúng sinh đều theo phiền não hoặc mà tạo vô

biên tội nghiệp, do đó hoặc nghiệp làm nhân mà chiêu quả báo sinh tử. Cho nên phát tâm tu hành là phải đoạn dứt phiền não. Phiền não là bệnh bên trong (nội tâm) của chúng sinh. Bệnh ngoài thân có thể mời bác sĩ chữa trị, còn có bệnh tâm phiền não này, Đông Tây y đều phải thúc thủ, không một loại thuốc nào tác dụng. Chỉ có thuốc niệm Phật mà đấng vô thượng y vương tuyên thuyết mới trị được tâm bệnh phiền não mà thôi vậy.

Phiền não tuy nhiều nhưng chung quy không ngoài hai loại: Phiền não ngã chấp và phiền não pháp chấp. Chúng sinh trong ba cõi sáu đường đầy đủ hai phiền não chấp này.

Sao gọi là phiền não ngã chấp? Tất cả chúng sinh đều chấp thân này là thật ngã. Không biết rằng các pháp xưa nay vốn vô ngã, cái thân này là do ngũ ấm tích tụ mà thành, đâu có thể có thật ngã được.

Trước xét vô ngã của thân; thân thuộc sắc ấm là, địa, thủy, hỏa, phong tứ đại hòa hợp mà thành. Xương, thịt, gân, cốt thuộc Địa đại; đàm dãi máu mủ thuộc Thủy đại; hơi ấm toàn thân thuộc Hỏa đại; hơi thở vào ra, tất cả động tác thuộc Phong đại. Thân này ngoài tứ đại ra, cái gì là ta?

Thứ đến xét vô ngã của tâm, tâm thuộc bốn ấm thọ, tưởng, hành, thức, bốn ấm không ngoài tám thức. Tiền ngũ thức lãnh thọ cảnh giới của năm trần, là thọ ấm; thức thứ sáu, tưởng tượng nội cảnh pháp trần, là tưởng ấm; thức thứ bảy, dời đổi không ngừng, là hành ấm; thức thứ tám, chấp giữ thọ mạng, là thức ấm. Tám thức giới hạn rõ ràng, nội tâm bỏ tám thức này, cái gì là ta?

Sự giải thích bốn ấm trên đây chỉ là nói về tám thức, và không giống với chư gia. Chư gia lấy ba ấm thọ, tưởng, hành để chỉ ba tâm sở thọ, tưởng, tư trong năm tâm sở biến hành; thức ấm chỉ chung cho tám thức. Ý tâm pháp của ta, cộng có 8 tâm vương và 51 tâm sở, sao chỉ riêng lấy ba tâm sở phối thành ba ấm? Nên không theo giải thích ban đầu. Nay lại lấy thọ ấm chỉ tiền ngũ thức, bởi vì sức thọ ấm rất mạnh; tưởng ấm chỉ thức thứ sáu, vì sức của tưởng ấm mạnh hơn hết; hành ấm chỉ thức thứ bảy, vì thức này luôn đo lường, thẩm xét vậy; thức ấm riêng chỉ thức thứ tám, bởi thức này chấp giữ thọ mạng. Bốn ấm chỉ tám thức, có thể bao hàm cả tâm vương, tâm sở, tất cả tâm pháp đều ở hết bên trong, ba tâm sở thọ, tưởng, tư cũng không ngoại lệ.

Nay trong thân tâm hiện tại này, suy xét tỉ mỉ thì không có thật ngã. Lại tìm hiểu quá khứ trước khi cha mẹ sinh ra, nếu là hữu ngã thì ngã ở chỗ nào? Xét kỹ tương lai, sau khi mạng chung, nếu là hữu ngã thì làm thân tướng gì? Cả quá khứ, hiện tại, vị lai đều không có thật ngã. Chúng sinh không rõ lý vô ngã, mê chấp thân tâm cho là thật ngã, đó là phiền não ngã chấp, hay làm chướng ngại chân lý ngã không, đây thuộc đại bệnh thứ nhất của nội tâm.

Sao gọi là phiền não pháp chấp? Là hết thảy chúng sinh đều chấp tất cả các pháp thế gian là thật có, không biết rằng các pháp xưa nay không thật, như hoa đốm trong hư không, như cảnh trong mộng. Nên biết trong hư không vốn không có hoa đốm, do bị quáng nắng mà thấy thật có; cảnh trong mộng cũng thế, do ngủ say mà vọng thấy, đâu phải là cảnh thật. Tất cả các pháp thế gian cũng lại như thế. Kinh Kim Cang nói rằng: "Phàm cái gì có hình tướng đều là hư dối". Chúng sinh mê chấp các tướng, cho là thật pháp,

đó là phiền não pháp chấp, làm chướng ngại chân lý pháp không, đây là đại bệnh thứ hai của nội tâm.

Hai loại phiền não ngã chấp, pháp chấp của chúng sinh đều do ý tưởng hư dối phân biệt mà ra. Nếu không có pháp phương tiện đối trị thì không đoạn được hai chấp này. Cho nên Đức Thích Ca Mâu Ni đã quán xét căn cơ mà nói pháp môn niệm Phật, dạy người xưng niệm danh hiệu A Di Đà, lấy một niệm để trừ muôn niệm, khi vọng niệm đã trừ thì phiền não theo đó đoạn diệt. Một câu A Di Đà Phật như thanh bảo kiếm Kim Cang vương; vọng niệm phiền não dụ như giặc cướp. Lúc giặc đến, hươ thanh bảo kiếm, giặc phải tự lui. Pháp niệm Phật cũng lại như thế. Lúc phiền não tham tâm khởi, nhất tâm niệm Phật thì tâm tham liền tự diệt, lúc tâm sân, tâm si khởi cũng đều như thế. Chuyên tâm vào sáu chữ Nam mô A Di Đà Phật, nhất tâm bất loạn thì tất cả phiền não đều được đoạn trừ tận gốc.

Người đời phần nhiều không tin pháp môn niệm Phật, nói một câu niệm Phật thì tác dụng chỗ nào? Không biết một câu A Di Đà Phật có thần lực không thể nghĩ bàn, trị được hết thảy tâm bệnh phiền não. Như thuốc A Già Đà có thể chữa tất cả bệnh. Thuốc thế gian mà còn có công dụng thù thắng, một loại thuốc trừ được muôn bệnh, huống hồ là danh hiệu Phật vạn đức, bốn bước một câu A Di Đà, bốn bước một câu thường hằng như thế, dần dần cảm thấy tâm địa thanh thoát, phiền não tự tiêu diệt. Lại có lúc nhiều việc, tâm ưu phiền, đêm dài không an giấc cũng chuyên tâm niệm danh hiệu Phật, lát sau thì thân tâm được an định, sẽ đi vào giấc ngủ dễ dàng, lại không có mộng寐. Lúc biên chép cũng niệm Phật không ngừng, mỗi nét bút là một danh hiệu Phật, chánh niệm không tán loạn thì viết lâu cũng không thấy nhọc nhằn. Nếu người người đều tin pháp môn niệm Phật này, tinh tấn không ngừng nghỉ, niệm đến tâm cảnh đều vắng lặng thì phiền não

không có chỗ sinh. Hoặc bảo rằng: Niệm Phật cầu sinh Tây phương, tham cầu cái vui của thế giới Cực lạc thì đây cũng là tâm tham. Tham là căn bản trong phiền não, là phiền não thứ nhất, tâm tham không trừ, sao được gọi là niệm Phật đoạn trừ được phiền não? Đáp rằng: Tuy cùng gọi là tham nhưng cái thật của tham thì khác nhau trời vực. Người đời tham trước cái vui của trần lao, vui này là nhân của khổ thì tham này là gốc sinh tử. Nay niệm Phật tham cầu cái lạc của thế giới Cực lạc, cái lạc này là cái lạc ly khổ nên tham này là pháp giải thoát. Đức Phật dạy người niệm Phật chính là soi thấu căn cơ, quán thấy chúng sinh tham luyến năm cảnh trần sắc, thanh, hương, vị, xúc của thế gian không một phút lìa bỏ, lấy khổ làm vui, nên dạy người niệm Phật tương tục, cầu ra khỏi Ta bà sinh Tịnh độ cảnh, và được hưởng thụ niềm vui Cực lạc, đây chính là chân tham.

Phật dạy niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, ly khổ đặc lạc là hợp với tâm chán khổ tham lạc của chúng sinh, chính là phương pháp lấy tham dừng tham. Lấy cái tham cầu sinh Cực lạc để trừ những cái tham cầu ngũ trược thế gian. Nếu không có cái tham này thì những cái tham tầm thường không cách gì trừ được. Thí như âm thanh chỉ tĩnh, nếu không có âm thanh này thì không dừng được những âm thanh tạp loạn kia. Ví dụ: Có mấy người đang huyền não âm ỉ, bỗng một người đứng lên nói lớn: "Mọi người im lặng!". Âm thanh ấy vừa phát ra thì không còn ai nói chuyện nữa. Nay cái tham tham cầu Cực lạc cũng lại như vậy, không những không có hại mà còn được lợi ích rất lớn. Tôi thường ngày thấy lâu các, vườn cây thanh tịnh, sinh tâm ái mộ bèn nghĩ đến hàng cây báu, lưới lưu ly, lầu vàng ở thế giới Cực lạc thù thắng vi diệu hơn bội lần! Không cần phải tham những gì thuộc về thế gian này, nhanh chóng nhất tâm niệm Phật cầu sinh nước ấy; hoặc nghe những âm thanh êm dịu, liền nhớ đến Tây phương, hàng cây lưới báu phát ra những âm thanh vi diệu, thí như trăm ngàn âm nhạc cùng khởi lên một lúc; hoặc người

các hương thơm, bèn nhớ đến Tây phương, nước tám công đức trong ao sen lúc nào cũng thoang thoảng hương thơm vi diệu; hoặc thấy ăn ngon mặc đẹp, liền nhớ đến Tây phương, nghĩ đến áo có áo, nghĩ đến ăn có ăn; nên đối năm trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, vì hâm mộ mong ước thắng cảnh của Tây phương mà tâm tham đắm dần tiêu.

Nay thử nghiền ngẫm thế giới Ta bà – đủ thứ khổ não, thật là đáng chán lìa, không có chút nào đáng tham đắm cả. Nói về tu hành thì Ta bà khó tu, Cực lạc dễ tiến. Dem hai cõi một khổ một vui so sánh, lược đưa ra mười loại là:

- 1/ Cõi này khổ vì không thường có Phật; Cực lạc thì hoa khai kiến Phật.
- 2/ Cõi này khó được nghe Phật pháp, Cực lạc thì tiếng chim kêu tiếng nước chảy đều là tuyên thuyết diệu pháp.
- 3/ Cõi này khổ vì bạn ác vây quanh, Cực lạc thì toàn chư thượng thiện nhân.
- 4/ Cõi này khổ vì thường hay bị ma quấy nhiễu, Cực lạc thì có chư Phật hộ niệm.
- 5/ Cõi này bị luân hồi không dừng nghỉ, Cực lạc thì dứt hẳn sinh tử.
- 6/ Cõi này khó tránh khỏi ba đường khổ, Cực lạc thì vĩnh ly ác đạo, thậm chí còn không nghe đến tiếng ác.
- 7/ Cõi này bị duyên đời chướng đạo, Cực lạc thì tự nhiên thọ dụng, không cần kinh doanh làm lụng.
- 8/ Cõi này thọ mạng ngắn ngủi, Cực lạc thì thọ mạng vô lượng.
- 9/ Cõi này tu hành thoái thất, Cực lạc thì bất thoái chuyển.
- 10/ Cõi này khó thành tựu Phật đạo, Cực lạc thì được nhất sinh bổ xứ, nhanh thành tựu vô thượng Bồ đề.

Quán mười điều so sánh trên đây thì cái tham cầu niệm Phật vãng sinh là đại tham, tức cái tham này dứt được tham sân si, dập tắt được tất cả tâm bệnh phiền não. Mong hết thảy mọi người đều tham cầu vãng sinh Cực lạc, thì sẽ không còn tham đắm dục cảnh năm trần của thế giới Ta bà. Tuy cùng là tham nhưng thật không thể khái luận chung được. Tôi có một bài kệ khuyên tu Tịnh độ rằng: "Thời gian trăm tuổi có bao nhiêu, khuyên anh hãy sớm niệm Phật nhiều; đừng tham nhục dục Ta bà cõi, về Tây phương cảnh sướng hơn nhiều".

CHƯƠNG VIII. NIỆM PHẬT MAU ĐƯỢC LIỄU SINH TỬ

Ta bà khổ lắm, hãy nhanh niệm Phật để vãng sinh Tây phương Cực lạc. Có sinh tất có thân, có thân ắt có khổ. Lão Tử nói rằng: "Ta có mỗi lo lớn là vì ta có thân; nếu ta không có thân thì không có gì để lo lắng". Phật dạy rằng: "Thân là gốc của các khổ". Do đó thân là sinh tử khổ quả, từ vô lượng kiếp đến nay, xả thân thọ thân, không biết đã trải qua bao nhiêu lần sinh tử, thay hình đổi dáng, luân hồi trong sáu đường, nổi lên chìm xuống không thoát ra được. Nay được thân người, nên tỉnh giác, nhất thiết chớ theo lối cũ mà cô phụ cái thân này. Cổ đức dạy rằng: "Thân này nếu không đời nay độ, lại đợi đời nào mới độ thân?".

Muốn độ thân này thì phải mượn thân này mà tu hành. Trong sáu đường, các đường khác rất khó tu.

- 1/ Thiên đạo: Cõi trời nhiều lạc thú thù thắng, vì đắm vào dục cảnh năm trần sắc, thanh, hương, vị, xúc nên bị mê hoặc, không nghĩ đến tu hành.
- 2/ A tu la đạo: A tu la sân tâm hừng hực, chỉ thích đấu tranh, không chịu tu hành.

3/ Địa ngục: Địa ngục thì phải thọ nghiệp chịu khổ báo, thần thức hôn mê, không thể tu hành.

4/ Ngạ quỷ: Ngạ quỷ mỗi lúc đói là bị lửa đốt, gào khóc đòi ăn, không tu hành được.

5/ Súc sinh: Súc sinh ngu si chỉ biết ăn ngủ, không biết tu hành. Bù tướng quốc nói: "Tu hành, đạt đạo duy chỉ con người!".

Chúng ta đã được thân người, nếu không tu hành thì chưa khỏi cô phụ tứ ân, ngày nào mới ra khỏi sinh tử? Sinh tử có hai loại:

1/ Phân đoạn sinh tử: Lấy ngoại thân mà nói là chỉ thân hình có dài ngắn, lớn nhỏ, chia ra từng đoạn mà chịu sinh tử.

2/ Biến dị sinh tử: Nói theo nội tâm tức chỉ tâm niệm có sinh, trụ, dị, diệt biến đổi không ngừng, cũng thuộc sinh tử. Trong ba cõi, chúng sinh lục đạo đủ đầy hai loại sinh tử này. Tam thừa Thánh nhân không có phân đoạn sinh tử, nhưng bị biến dị sinh tử. Người không chịu hai loại sinh tử duy chỉ có Phật. Nên biết sinh tử do phiền não mà có, Phật thì chuyển phiền não thành Bồ đề, chúng vô thượng Niết bàn nên không còn bị sinh tử.

Chúng sinh trong ba cõi, muốn cầu liễu sinh thoát tử mà thụ xuất (vượt thẳng) tam giới thì khó, hoành siêu (vượt ngang) tam giới thì dễ. Sao gọi là thụ xuất tam giới thì khó? Người đời nếu tu cứu thứ đệ định, từ định thứ nhất vào định thứ hai, cứ vậy thứ lớp mà đi lên. Trước tu sắc giới; sơ thiền ly sinh hỷ lạc định, nhị thiền định sinh hỷ lạc định, tam thiền ly hỷ diệu lạc định, tứ thiền xả niệm thanh tịnh định. Kế đó tu vô sắc giới; không vô biên xứ định, thức vô biên xứ định, vô sở hữu xứ định, phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Tám định ấy là thiền định hữu lậu thế gian. Nếu không đạt được

diệt thọ tướng định thứ chín thì không thể thoát khỏi ba cõi. Định sau là vô lậu thiên định, chín định này thứ tự mà vào, không được nhảy vượt, nên gọi là cứu thứ đệ định. Trải qua vô lượng kiếp, cứu định thành tựu mới có thể thụ xuất tam giới, đắc quả vị A la hán. Nếu chỉ được tám định trước thôi thì vẫn chưa liễu sinh thoát tử. Như tiên nhân Uất Đầu Lam Phất, tu đến phi tưởng phi phi tưởng định, khi hưởng hết phước báo cõi trời, lại đọa làm thân chồn bay, nên nói thụ xuất tam giới là khó vậy.

Sao gọi là hoành siêu sinh tử thì dễ? Tức là pháp môn niệm Phật, vắng sinh Cực lạc. Thế giới Cực lạc và thế giới Ta bà cùng ở trong một sát chủng, sát chủng này có 20 tầng. Ta bà, Cực lạc cùng ở tầng thứ 13. Kinh A Di Đà nói rằng: "Hướng về phía Tây, qua 10 vạn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực lạc". Nghĩa là siêu ngang. Chúng sinh ở cõi Ta bà, niệm Phật vắng sinh Cực lạc, tức là hoành siêu tam giới, nhanh chóng ra khỏi sinh tử, chứng đủ tam bất thoái, thọ mạng vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, hóa sinh hoa sen tức là thân rốt sau, không còn phải chịu sinh tử luân hồi; ngoại trừ thừa nguyện tái lai, nhập thế lợi sinh chớ không phải theo nghiệp thọ báo vậy. Và người niệm Phật vẫn là một niệm công thành, một đời xong việc, nên gọi hoành siêu sinh tử thì dễ vậy.

Thụ xuất tam giới như con kiến leo lên núi cao, hoành siêu tam giới như gió thổi cánh buồm xuôi theo dòng nước. Lại ví dụ như con sâu sinh ra trong mọt măng, khi măng lớn thành tre, con sâu ở trong ống tre muốn ra ngoài, nếu cắn ngược lên từng đốt tre mà ra, thì cắn lủng đốt này lại đến đốt kia, cứ mãi cắn như thế thì chưa đến đốt tre con sâu đã chết, đây dụ cho chúng sinh cầu ra khỏi sinh tử bằng cách thẳng tu cứu thứ đệ định vậy. Nếu con sâu muốn ra ngoài bằng cách cắn vào thành tre thì chỉ cần một lỗ con sâu

đã có thể ra ngoài; đây dụ cho chúng sinh chuyên tu pháp môn niệm Phật hoành siêu sinh tử. Cái khó cái dễ ấy khác nhau trời vực.

Pháp môn niệm Phật tuy được hoành siêu tam giới, nhanh chóng liễu sinh thoát tử, nhưng lúc sắp mạng chung là quan trọng nhất. Nếu thường ngày tín nguyện thâm sâu, thành tựu tịnh hạnh, hoặc được lý nhất tâm bất loạn, hoặc được sự nhất tâm bất loạn, tự mình biết trước giờ đi, chánh niệm hiện tiền, vô ngại tất cả, thì ắt vãng sinh, như vào thiền định, chỉ trong búng tay, thác sinh hoa sen, nghiệp tại Ta bà, thần thắng Cực lạc, chứng đủ tam bất thoái.

Nếu ba món tư lương tín nguyện hạnh đầy đủ mà chưa được sự nhất tâm bất loạn, lý nhất tâm bất loạn thì lúc mạng chung cần phải có người trợ niệm. Đáng lo ngại nhất là lúc mạng chung bị các duyên trói buộc, tâm người sắp chết ưu não, không có chánh niệm thì sẽ trở ngại cho việc vãng sinh. Là thân hữu, bà con, đồ quyến nên hiểu rõ lý này, sự trợ niệm cho người mạng chung rất là cần thiết.

Như những người niệm Phật tại gia, một đời niệm Phật quyết cầu vãng sinh Cực lạc, tốt nhất là nên đem việc nhà, cho đến việc tang lễ sau khi chết, sắp xếp giao phó rõ ràng; hoặc lập di chúc để tránh lo lắng lúc sắp mạng chung. Đồng thời nên dặn dò gia quyến, lúc lâm chung nên cùng nhau trợ niệm, không được nói chuyện thế sự. Kỵ nhất là khóc lóc làm não loạn người chết. Lúc mạng chung nếu không nhất niệm hiện tiền thì không được vãng sinh, quan hệ trọng đại xin chớ xem thường. Rất mong những người thân quyến, nên lấy trợ niệm làm hiếu, đừng đem tình ái gia duyên mà làm lỡ đại sự vãng sinh. Là người niệm Phật cầu sinh Tịnh độ chúng ta, phải biết một đời cần khổ, rốt cuộc kết quả tốt đẹp hay không là ở chỗ giây phút sau

chót này, lúc mạng sắp chung, chính là lúc quyết định phàm thánh. Lúc này cần phải buông hết muôn duyên, nhất tâm chuyên niệm Thánh hiệu A Di Đà Phật, cầu thấy Phật Bồ Tát cùng đến tiếp dẫn, cầu sinh thượng phẩm Liên hoa, một niệm hiện tiền thì việc vãng sinh là điều tất yếu, chỉ trong thoáng chốc lìa khỏi Ta bà ngũ trược, nên gọi là niệm Phật mau được liễu sinh thoát tử vậy.

CHƯƠNG IX. NIỆM PHẬT ĐẦY ĐỦ TAM HỌC

Niệm Phật có bốn loại:

1. Thật tướng niệm Phật: Theo lý thật tướng, niệm pháp thân Phật. Pháp thân thanh tịnh như hư không, biến khắp pháp giới, thật không có tướng có thể được, không có tướng tâm năng niệm, tướng Phật sở niệm, năng sở đều quên, tâm, Phật không hai, tâm tức là Phật; Phật tức là tâm. Nếu niệm thật tướng thì không niệm mà niệm, niệm tức không niệm, nhất tâm bất loạn, trạm nhiên thường trụ, đây là lý niệm.

Vân Thê nói rằng: "Niệm không chân niệm, sinh nhập vô sinh; niệm Phật tức là niệm tâm, sinh Cực lạc không rời ngũ trược, tâm Phật chúng sinh vốn một, trung đạo chớ kẹt hai bờ". Cổ đức dạy rằng: "Năm mươi năm một câu niệm Phật, rõ là quật địa phạt trời xanh, mà nay có mấy tin chân thật, đêm muộn chuông ngân vắng đến thuyên". Đây đều là những vị rõ lý công phu vậy.

2. Quán tưởng niệm Phật: Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói: "Phu nhân Vi Đề Hy có đứa con ngỗ nghịch tên A Xà Thế, nghe theo lời xúi dục của Đề Bà Đạt Đa, đoạt vương vị, nhốt cha là Tần Bà Sa La vào ngục tối, cấm quần thần không được mang thức ăn hay vắng lai thăm hỏi. Bà Vi Đề Hy hằng

ngày tắm rửa sạch sẽ, thoa đề hồ, mật lên thân đem vào ngục để nuôi sống đại vương. Sau 21 ngày, A Xà Thế hỏi cai ngục: "Lão già còn sống chẳng?". "Còn", cai ngục đáp. "Ai cho ăn mà không chết?". "Phu nhân hằng ngày thường xoa thức ăn lên mình mang đến cho vua dùng, thêm nữa có hai vị Sa môn Mục Kiền Liên và Phú Lô Na hằng ngày đều dùng thần thông bay vào thuyết pháp cho vua nghe, tôi không ngăn cản được". Vua A Xà Thế phẫn nộ, rút gươm định giết mẹ. Đại thần Nguyệt Quang và Kỳ Bà khuyên vua không nghe, liền phất tay áo bỏ đi. A Xà Thế sợ hãi không dám giết mẹ bèn nhốt vào thâm cung, không cho ra vào. Vi Đề Hy bi thương, chấp tay hướng về núi Kỳ Xà Quật, đánh lễ Đức Thế Tôn, Phật bèn hiện thân cho bà được thấy. Phu nhân áo não, khẩn thiết phát nguyện, nguyện đời sau sinh vào nước Phật thanh tịnh, xa lìa thế giới ác trược này. Đức Phật dùng thần lực hiện rõ cõi Phật thanh tịnh khắp mười phương, bảo bà chọn muốn sinh về nước nào. Sau một hồi chọn lựa, Vi Đề Hy quyết định chọn nước Cực lạc, thanh tịnh trang nghiêm, nguyện sinh lên nước ấy. Phật bèn vì bà nói 16 diệu quán, y pháp giới tâm, quán pháp giới cảnh để làm điều thiết yếu cầu sinh Tây phương.

- 1/ Đầu tiên quán Nhật lạc (mặt trời lặn), lấy mặt trời lặn làm mốc để nghĩ đến Tây phương.
- 2/ Thứ đến là quán Thủy.
- 3/ Quán Địa.
- 4/ Quán Cây.
- 5/ Quán Ao.
- 6/ Tổng quán.
- 7/ Hoa tòa.
- 8/ Tượng quán.
- 9/ Phật thân.

10/ Quan Âm.

11/ Thế Chí.

12/ Phổ Hiền,

13/ Tạp quán,

14, 15, 16/ Quán ba bậc thượng trung hạ phẩm, cứu phẩm vãng sinh, khiến xả liệt để thủ thắng vậy. Khi quán thành tựu 16 pháp quán tức được vãng sinh nước Cực lạc.

3. Quán tượng niệm Phật: Tức ngồi yên quán hình tượng Phật. Trước quán tướng lông trắng giữa hai chân mày của Phật A Di Đà, quán tướng lông trắng xong, thứ tự dần quán từng bộ phận nơi khuôn mặt cho đến toàn thân, quán tượng công thành tức có thể thấy được thân Phật, tướng hảo trang nghiêm.

4. Trì danh niệm Phật: Tức Phật nói kinh A Di Đà, điều Phật nói đến là pháp chấp trì danh hiệu, không cần tham cứu hay quán tưởng, cũng khỏi nhọc quán tưởng, chỉ cần nhất tâm tâm niệm hồng danh vạn đức A Di Đà Phật, hoặc thêm hai chữ "Nam mô" càng biểu thị ý quy kính. Pháp niệm Phật quý ở chỗ nhất tâm, miệng niệm tâm niệm, tâm khẩu nhất như. Nếu chỉ miệng niệm tâm không niệm ắt không hiệu quả, tâm niệm miệng không niệm thì không ngại gì. Phải niệm niệm tương tục, chớ để gián đoạn, tinh tấn không ngừng thì nhụy sen trong ao thất bảo ở cõi Tây phương ngày một thêm lớn; nhụy sen này tuy là vật vô tình nhưng rất cảm ứng. Lúc chúng sinh ở cõi Ta bà phát tâm niệm Phật, nhụy sen ở Tây phương đánh tên ngay lập tức, phân ra siêng năng, giải đãi rõ ràng. Còn có cái khéo là phân rõ hơn kém, công phu sâu cạn, phẩm hạnh cao thấp, vô lượng người vãng sinh nhưng chưa từng bị nhầm lẫn. Lúc mạng chung vãng sinh tức sinh nơi hoa này, hoa này chính là nơi tuệ mạng an trú.

Pháp môn niệm Phật dễ thì rất dễ, căn cơ ám độn, già trẻ lớn bé gì cũng chỉ cần dạy một lần là hiểu, không có áo diệu gì lắm. Nhưng khó thì cũng khó vô cùng, lão tăng 80 tuổi vẫn còn thất niệm, chưa được nhất tâm. Mọi người hãy nên chọn một pháp môn dễ tu, khó quá sự thành công sẽ rất ít. Phần nhiều cho rằng tu hành cần phải có pháp môn huyền diệu mật áo, như vậy mới thu được lợi ích, do đó, thời gian gần đây, rất nhiều tăng tục tu tịnh, bỏ niệm Phật qua tu Mật tông, không biết rằng Tịnh, Mật đều như nhau, Tịnh độ thì thanh tịnh tam nghiệp, Mật tông thì tam mật tương ưng (tam mật: thân mật, khẩu mật, ý mật). Chỉ khác đường đi nhưng đều về một đích, cần gì phải bỏ đây lấy kia. Tôi trước kia tu Thiền, sau kiêm tu Tịnh độ, hiểu rõ Thiền Tịnh đồng công; trước học Thiên Thai, sau học Hiền Thủ, mới biết Thai Hiền cùng một chỗ về; ban đầu học Tánh tông, sau học Tướng tông, thì ra Tánh Tướng chỉ là một. Nay đối với Mật giáo cũng rất tín ngưỡng, biết rằng Mật, Giáo gì cũng chính Đức Phật nói ra. Đức Phật quán căn cơ của chúng sinh, thấy căn cơ nào đối với Giáo có lợi ích thì thuyết Hiển giáo; người nào hợp với Mật thì nói Mật giáo. Hiển, Mật tuy có khác nhau nhưng cũng đều là thuốc pháp đối cơ ứng bệnh, cho nên đối với Hiển, Mật hãy tin như nhau.

Trước đây lúc tôi đến Nam Kinh, Hồ Nam và Đài Bắc giảng kinh, nghe có pháp sư truyền pháp Mật tông, luôn khuyên người tu Mật tông không cần phải ăn chay. Còn trì giới thì đang là Tiểu thừa, Đại thừa là lìa tất cả tướng, còn có trì phạm sao? Ngày xưa lúc Phật còn tại thế, cũng cho phép Sa môn ăn ngũ tịnh nhục. Lại nói rằng, ăn thịt chúng sinh tức là độ chúng sinh ấy, không biết những lời này lấy ra ở kinh luận nào? Tôi chỉ biết Bồ Tát đủ đồng thể đại bi, thấy tất cả bàng sinh đều có tri giác, chúng nó cũng như ta, đầy đủ Phật tánh, không nỡ sát nó, lấy thịt để cung phụng cho ta. Nếu nói ăn

thịt nó tức là độ nó, như vậy thì phải nên bình đẳng với tất cả, sao lại chỉ riêng độ cho heo, dê, gà, vịt, cá, cua? Ngày ngày ăn thịt chúng để độ chúng, sao các loại sâu bọ, trùng dế, giun lãi không ăn để độ chúng? Lại sao không ăn thịt bà con quyến thuộc để độ họ? Rõ ràng là ham ăn thịt, không giữ giới rồi nói ngược lại "ăn thịt nó tức là độ nó". Đã sai lại còn dạy người khác, nhất định phải chịu ác báo. Thậm chí có rất nhiều người nhiều năm ăn chay niệm Phật mà cuối cùng cũng bị những lời này mê hoặc. Tu chưa đến nơi mà tịnh giới đã phá thì thật là đáng tiếc, há không đau đớn sao! Điều này tôi hoàn toàn không tán đồng.

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Sau khi ta diệt độ, trong thời kỳ mạt pháp, Ma vương sẽ trà trộn trong Tăng đoàn, nói ăn thịt sẽ được Bồ đề". Lại nói: "Các người nên biết, những người ăn thịt ấy, tự cho là được khai tâm mở trí như tam ma địa, đây là đại La sát, sau khi mạng chung chắc chắn sẽ phải mãi chìm trong biển khổ sinh tử". Phật dạy như thế, hãy nên nghe theo, nhất thiết chớ bị tà thuyết mê hoặc, cho rằng ăn thịt là đạo vô ngại. Há không nghe thơ xưa dạy: "Máu chảy thịt rơi sao thấy ngon, như nhau đau đớn oán mãi còn; khuyên người hãy nên suy nghĩ lại, ai nỡ cầm dao cắt tự thân". Lại có thơ rằng: "Luân hồi muôn kiếp vì miếng ngon, oán sâu như biển hận như non; muốn biết đao binh trên thế giới, nghe trâu bò rống rõ ngay thôi". Người tu hành đã không thể khuyên người giữ giới sát mà lại còn đi ăn thịt, khiến người khác giết hại, vậy thì lòng từ ở đâu? Là người có chí tu hành, phải rõ tà chánh, phải trái, trọng nhân quả, biết lấy bỏ. Tôi thường ngày luôn khuyên người ăn chay niệm Phật để đời sau khỏi phải thiếu nợ chúng sinh. Hoặc có thuyết nói trời sinh ra vạn vật là để nuôi dưỡng con người, tất cả cầm thú vốn là trời sinh ra để cho con người ăn. Đây là tà giải. Phải biết trời sinh ra vạn vật để nuôi dưỡng con người là chỉ thực vật chớ hoàn toàn không phải chỉ vào động vật. Hết thầy chúng sinh đều ham sống sợ chết

như nhau. Bằng ý mạnh hiếp yếu thì sẽ kết sâu oan trái. Người đời gây ra chiến tranh bắn giết lẫn nhau đều do sát sinh ăn thịt mà ra. Người xưa dạy: "Người đời muốn tránh kiếp đao binh, trừ phi không còn ai sát hại". Nếu mọi người muốn theo tu Mật tông cũng được, nhưng ăn thịt thì không, chưa từng niệm Phật mà tu Mật tông thì khả dĩ được, đã tu tịnh nghiệp mà lại đổi đường hướng thì là tín chưa sâu, nguyện chưa thiết, đáng thương lắm vậy.

Pháp môn niệm Phật nhất thiết không được xem thường, chính là pháp môn vô thượng, đơn giản nhất, vi diệu nhất, đáng gọi là đại Đà la ni môn (đại tổng trì), có thể tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Đức Thích Ca nói pháp 49 năm, không ngoài ba tạng Kinh, Luật, Luận. Cái mà tam tạng giải thích tức ba món vô lậu học Giới, Định, Huệ. Kinh là định học tạng, luật là giới học tạng, luận là tuệ học tạng. Một câu danh hiệu A Di Đà, một lòng niệm Phật tức đầy đủ ba môn giải thoát này, còn viên diệu nào hơn?

Sao niệm Phật có thể đầy đủ giới học? Kinh Lăng Nghiêm nói: "Gọi là nhiếp tâm tức giới, từ giới sinh định, nhân định phát huệ, đó là tam vô lậu học". Mà niệm Phật tức là pháp nhiếp tâm. Phật thấy tâm chúng sinh luôn luôn vọng động, nắm bắt sáu trần cảnh, như đắm vào sắc mà khởi tham sân si, tạo các ác nghiệp sát, đạo, dâm; đắm vào thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng lại như thế.

Phật dạy chúng sinh xưng niệm danh hiệu Phật, tức là lấy chánh niệm niệm Phật dừng các vọng niệm tham đắm. Giả như vọng tâm phan duyên với sắc trần, bèn niệm Nam mô A Di Đà Phật, tương tục không dừng nghỉ thì không bị sắc trần lôi kéo, chánh niệm nhiếp về niệm Phật vậy. Khi phan duyên với thanh, hương, vị, xúc, pháp, mỗi mỗi đều như thế thì tự nhiên sẽ không phá giới tạo ác. Vọng tâm như ngựa, lục trần như sáu con đường, danh hiệu

Phật như dây cương; người niệm Phật như người chế ngự con ngựa, lúc con ngựa muốn chạy về các nẻo đường, cương cầm trong tay, tức phục được nó vậy. Đã không phan duyên thì vọng niệm tự nó sẽ không có, không đi đến phạm giới, tức là lấy niệm Phật nhiếp tâm làm giới vậy.

Niệm Phật niệm đến niệm niệm cùng Phật tương ưng thì các vọng niệm đương nhiên không khởi, ý nghiệp được thanh tịnh thì các giới tự nhiên đầy đủ. Nghiệp thân nghiệp miệng cũng từ ý nghiệp mà khởi. Thân sát, đạo, dâm là do ý nghiệp sai sử, ý không khởi thì thân ắt không phạm; miệng nói dối, nói hoa mỹ, nói ác khẩu, nói hai lưỡi cũng là ý nghiệp chủ động, ý không muốn nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời hung ác thì miệng tất không phạm. Cho nên niệm Phật gọi là pháp môn tịnh nghiệp, một câu niệm Phật tịnh được tam nghiệp, đây há không phải niệm Phật đầy đủ giới học sao?

Niệm Phật có thể đầy đủ định học. Kinh A Di Đà nói: "Nếu có thiện nam tín nữ, nghe nói kinh A Di Đà bèn chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày... cho đến bảy ngày nhất tâm bất loạn". Bất loạn tức là định, đây chính là vạn thể trì danh niệm Phật, chính là diệu pháp từ kim khẩu Đức Phật tuyên thuyết thì cũng chính là thật sự đầy đủ định học. Nhất tâm là chỉ chuyên một tâm ấy, thuần nhất không một tạp niệm, bất loạn là trạm nhiên tịch tĩnh, không loạn động, đã nhất tâm thì sẽ bất loạn, nếu được bất loạn mới là nhất tâm. Niệm Phật niệm đến nhất tâm bất loạn thì định lực nào bằng?

Sở dĩ Phật dạy niệm Phật chính là lấy cái tâm luôn bị cảnh chuyển của chúng sinh. Từ sáng đến tối, từ sinh ra cho đến chết đi đều là đối cảnh sinh tâm, niệm phân biệt khởi lên không ngừng nghỉ. Ví như mắt thấy sắc, không luận là đẹp hay xấu đều bị sắc làm động tâm, tai nghe tiếng, không

luận là khen hay chê, mũi ngửi mùi, bất luận là thơm hay thối... mỗi mỗi đều bị cảnh trần làm động. Cho nên Phật dạy nhất tâm niệm Phật, không khởi vọng niệm, không vì cảnh mà động tâm. Nếu chuyên tâm ở câu Phật hiệu, không phan duyên với ngoại cảnh, tịnh niệm tương tục thì sáu căn đều nhiếp, như như bất động, tức vào tam ma địa (chánh định) vậy.

Hoặc hỏi niệm Phật, làm thế nào để được bất động trước cảnh trần? Đáp rằng: "Lúc niệm Phật, tâm an trú trong danh hiệu Phật, tâm không rời Phật, Phật không rời tâm. Tuy sáu căn đối cảnh mà không phan duyên thì không bị cảnh chuyển. Gọi là: "Muôn hoa chừ, dưới tàn cây ẩn kín, bao lớp lá che chừ, mưa nào có hề chi". Thân ta ví như điện Phật, sáu căn như sáu cửa ra vào, tâm niệm Phật thì như người ngưỡng mộ nhìn Phật, nhất tâm chuyên chú, không nháy mắt thì cho dù sáu cửa có mở, bên ngoài đủ hình đủ vẻ vẫn không thấy, không nghe, không hay, không biết. Niệm Phật cũng lại như thế, niệm đến tâm không cảnh tịch (tâm cảnh đều quên) thì thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, không khởi tâm phân biệt. Như cổ đức dạy: "Trâu sắt nào sợ sư tử rống, người gỗ ngấm chim đấm bao giờ; chỉ cần vô tâm với vạn vật, ngại gì muôn vật ở chung quanh". Tự nhiên không bị cảnh chuyển vậy.

Lại nữa, nhất tâm niệm Phật tức là niệm Phật tam muội công thành. Tam muội là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa dịch là chánh định. Niệm Phật niệm đến nhất tâm bất loạn tức được chánh định. Như Kinh Thành Cụ Quang Minh Định Tuệ, nói: "Yên lặng thanh thoi cũng nhất tâm, chúng khổ đoanh vây cũng nhất tâm, cho đến được mất, khen chê cũng nhất tâm". Niệm Phật được nhất tâm, đây há không phải chứng minh niệm Phật đầy đủ định học sao?

Niệm Phật lấy gì có thể đầy đủ tuệ học? Hết thảy chúng sinh xưa nay là Phật, đầy đủ trí tuệ Như Lai. Ngày xưa Đức Thế Tôn sau 49 ngày thiền định dưới cội Bồ đề, nửa đêm canh ba, thấy sao mai mọc, hốt nhiên khai ngộ, thốt lên rằng: "Lạ thay! Tất cả chúng sinh đều đầy đủ đức tướng trí tuệ Như Lai, do vọng tưởng chấp trước nên không thể chứng đắc. Nếu lìa vọng thì vô sư trí, tự nhiên trí đều hiển hiện rõ ràng". Đức Thế Tôn thấy được lý này, muốn cho hết thảy chúng sinh đều chứng nhập trí tuệ Phật nên dạy người niệm Phật, tức là lìa vọng tưởng, đắc trí tuệ diệu pháp vậy.

Chúng sinh tuy đầy đủ trí tuệ đức tướng Như Lai, nhưng vì từ vô thủy vô minh che lấp, trải qua số kiếp nhiều như cát bụi, vô lượng vọng tưởng phiền não che mất tự tâm, nên tuy vốn có Phật tuệ nhưng không hiển hiện. Ví như chiếc gương, ánh sáng phản chiếu vốn tự có đủ, do bị bụi bặm che mờ nên không thể hiện hình. Tâm chúng sinh như chiếc gương sáng; những vọng niệm phiền não thô tế thì như những hạt bụi. Bụi trên mặt gương, phải công phu lau chùi thì gương mới sáng được. Những vọng tưởng phiền não trong tâm phải dựa vào sức niệm Phật mới được tiêu trừ.

Pháp Phật dạy niệm Phật, tức là lấy việc lau chùi kính tâm để đoạn trừ vọng tưởng phiền não. Đi, đứng, nằm, ngồi không rời danh hiệu Phật. Niệm niệm tương tục không gián đoạn thì vọng tưởng tự tiêu, Phật tuệ tự phát, đây tức là công dụng niệm Phật có thể phát tuệ học vậy.

Niệm Phật tam muội còn được gọi là nhất hạnh tam muội. Kinh Văn Thù Bát Nhã nói: "Phật bảo Văn Thù Sư Lợi, người muốn vào nhất hạnh tam muội cần phải ở chỗ vắng vẻ, lìa bỏ vọng tưởng, không chấp các tướng, nhất tâm niệm Phật, quay mặt về hướng Tây, chỉ nhớ về một vị Phật, niệm niệm tương tục, tức trong một niệm thấy được chư Phật ba đời. Công đức niệm

một Phật với công đức niệm vô lượng Phật không khác, pháp mà A Nan nghe vẫn còn ở trong đối đãi, nếu được nhất hạnh tam muội thì các pháp môn kinh đều biết rõ ràng; ngày đêm tuyên thuyết, trí tuệ biện tài, không hề đoạn tuyệt". Đây há chẳng phải chứng minh niệm Phật đầy đủ tuệ học sao?

CHƯƠNG X. PHÁP MÔN NIỆM PHẬT NHIẾP HẾT MỌI CĂN CƠ

Pháp môn niệm Phật nhiếp hết các căn thượng, trung, hạ. Hết thảy chúng sinh hữu tình, nếu thật tâm thì tất cả đều được độ thoát, chỉ cần nhất tâm xưng niệm lục tự Di Đà, không cần phải học rộng nghe nhiều. Đại sư Thiện Đạo nói: "Nếu muốn học hiểu từ phàm phu địa cho đến Phật địa thì không có pháp môn nào không đáng học; còn nếu muốn học hành thì nên chọn một pháp kế lý kế cơ, nay lược đưa ra mười loại người nên tu pháp môn niệm Phật, xin hãy suy xét kỹ càng, nhanh chóng phát tâm.

1/ Người xuất gia nên tu niệm Phật: Đã cạo tóc làm tăng, phát tâm tu đạo, lìa bỏ làng xóm, cắt ái từ thân, được sống trong đạo tràng thanh tịnh, không còn lo nghĩ, không còn trói buộc, nên phát tâm niệm Phật cầu xuất tam giới. Lúc niệm Phật phải khẩn thiết với sinh tử, phải biết sinh tử luân hồi, theo nghiệp thọ báo không có ngày ra khỏi, hãy tinh tấn niệm Phật thì vạn niệm tự nhiên buông hết, sáu căn đều được thu nhiếp vậy! Nay đưa ra một ví dụ:

Xưa có đức vua thấy ngoại đạo cầu đạo rất khổ hạnh, còn đệ tử Phật thì an nhàn. Một ngày, vua hỏi một vị Tăng niệm Phật rằng: "Trẫm thấy những người Bà la môn cần khổ cầu đạo, còn các Tỳ kheo chỉ niệm danh hiệu Phật, hai cách tu hành khác nhau quá xa". Tăng đáp: "Tu đạo không phải là khổ hay sướng nơi sắc thân này mà là cốt ở chỗ tâm có tha thiết với sinh tử hay

không. Đệ tử Phật chúng tôi tuy thanh nhàn niệm Phật nhưng lòng luôn khẩn thiết cầu ra khỏi sinh tử. Sáu căn cả ngày tuy đối cảnh trần nhưng không hề nắm bắt. Mắt không thấy sắc, tai không nghe thanh, cho đến ý thức cũng không duyên với pháp trần". Vua không tin, Tỳ kheo biết ý nên tâu rằng: "Bệ hạ có thể đưa ra một việc để thử nghiệm, xin bệ hạ ngày mai chia cung nữ thành hai tốp, một tốp múa một tốp hát ở hai bên đường; ngài bắt một tử tội đầu đội chén dầu đầy, bảo rằng: "Tội người đáng chết, nhưng ta sẽ ân xá cho người bằng cách người đội chén dầu đầy đi khắp cung thành, lúc trở về chỗ cũ không được hao hụt giọt nào, nếu đổ ra ngoài người lập tức bị xử chém". Tội nhân nghe thế, để hết tâm ý vào hai chữ sống chết trên đầu, không dám hào ly sơ suất. Đi khắp một vòng, dầu vẫn y nguyên, thế là nhà vua đại xá. Tăng bảo vua hỏi tội nhân: "Ở phía Đông người có thấy gì đẹp chẳng?". "Không", phạm nhân đáp. Vua hỏi tiếp: "Còn phía Tây, người có nghe gì hay chẳng?" "Cũng không." Vua quát lớn: "Nói dối! Các cung nữ múa hát như thế mà người không thấy không nghe gì cả à?" "Tâu đại vương, thần nào dám khi dối, thần lo chú tâm vào chén dầu sinh tử trên đầu, còn tâm trạng đâu nữa mà nghe với thấy." Vua chợt hiểu ra lời Tỳ kheo nói – nhất tâm niệm Phật, cầu thoát sinh tử, sáu căn đều nhiếp, không thấy không nghe, lời này thật không hư dối vậy! Và người niệm Phật, tâm thiết tha với sinh tử, chính là chân niệm Phật.

2/ Nữ giới nên tu niệm Phật. Là thân gái, không thể chấp giữ công việc triều chính, chẳng như nam tử bôn tẩu tứ phương, vất vả nhọc nhằn, vì thế hãy nên phát tâm niệm Phật cầu vãng sinh Cực lạc. Lại nữa thân nữ bất tịnh, lúc sinh đẻ đau đớn không cùng, nhiều người nhàm chán nữ thân, muốn được làm thân nam tử. Và ở thế giới năm trược này mà muốn chuyển thân nam thì thật chẳng phải là chuyện dễ dàng, phải trải qua mấy kiếp tu hành. Nếu chịu chuyên tâm niệm Phật thì lúc mạng chung, nghiệp tại Ta bà, thần

thăng Tịnh độ, hóa sinh hoa sen, tức khắc được tướng đại trượng phu, chỉ trong một đời mà chuyển được thân nam tử. Và lại, ở cõi Tây phương thọ mạng vô lượng, được Quan Âm, Thế Chí cặp tay đi cùng. Nữ giới đã có pháp môn vi diệu này, có thể thỏa mãn nguyện vọng, mong mọi người hãy nhanh niệm Phật.

3/ Người trí nên tu niệm Phật. Sinh ra làm người được thông minh là khó, và không bị thông minh quá hóa ngu lại càng khó. Thấy phần nhiều những người thông minh là những người có kiến chấp, họ chỉ muốn tìm những pháp môn cao siêu, huyền diệu, coi thường niệm Phật, cho niệm Phật là bình thường, là pháp môn dành cho kẻ hạ cơ, họ bỏ hết tâm lực để tìm cầu trí tuệ thế gian. Nào biết "lúc sống chỉ ham lo tìm kiếm, chết đi chẳng mang được thứ gì". Nếu dùng cái thông minh ấy vào Phật pháp, xem nhiều kinh sách Tịnh độ, nghiên cứu nhiều về tông chỉ niệm Phật, hiểu rõ pháp môn trì danh hiệu Phật, vì chư Phật hộ niệm, vì Thánh hiền nối gót. Lấy một niệm mà trừ muôn niệm, niệm một hiệu mà chứng tịnh tâm, chuyên chú nhất tâm thì sự niệm mà đạt lý niệm, tự thân thấy được tự tánh Di Đà, đắc sinh duy tâm Tịnh độ, như thế há không sung sướng sao!

4/ Người ngu nên tu niệm Phật. Là người, không luận là trí hay ngu đều đồng một tánh Phật. Người ngu si là do đời trước không tin Phật pháp, không lo tu hành, hoặc vì nghiệp chướng sâu dày nên mới cảm báo này. Người trí thì đa đoan, công việc nhiều, trách nhiệm nặng, niệm Phật e khó nhất tâm; còn người ngu thì việc ít, thân nhàn, hãy nên cố gắng niệm Phật. Lại nữa, người ngu thật thà, ngay thẳng, ít hiểu biết nên dễ sinh tâm tín kính. Và lại, pháp môn niệm Phật không phải tham cứu, không phải quán tưởng nên không sợ ngu dốt, chỉ cần trực tâm tức là đạo tràng, một câu Phật hiệu cứ thế niệm miết không ngừng nghỉ thì chắc chắn thành công.

Xưa có thơ rằng: "Tu hành như đi thuyền ngược nước, lơ lửng một giây nước cuốn lùi; nếu không từ đây cần nỗ lực, biết bao giờ đến được đầu nguồn". Mấy lời này có thể hỗ trợ cho niệm Phật vậy.

5/ Người giàu có nên tu niệm Phật. Đời nay được giàu sang là nhờ phước báo tu hành đời trước, nên biết phước lạc ở cõi Ta bà thật không trường cửu. Người xưa dạy: "Vinh hoa như giấc mộng canh ba, phú quý nào khác sương tháng chín". Đời này không lo ăn mặc, thọ dụng đầy đủ, hãy nên nhân cơ hội phát tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ lên ngôi bất thoái, hưởng niềm vui vô vi. Vùng biên địa của Tây phương còn sướng hơn cõi trời, hà huống phước lạc cõi đời, có gì đáng đảm! Hãy nhanh phản tỉnh, nhất tâm niệm Phật, hầu bỏ báo thân xấu kém Ta bà, chóng đắc Tịnh độ hóa sinh.

6/ Người nghèo khó nên tu niệm Phật. Đời này bần cùng là do đời trước không tu bố thí cúng dường, cống cao ngã mạn nên mới cảm báo này. Đã không ruộng vườn sản nghiệp, lại không có chỗ trú thân, y phục không đủ che hình, vật thực không nuôi đủ bụng, vừa ra khỏi nhau thai đã chịu biết bao khổ nhục, hãy nên tinh tấn niệm Phật để cầu vãng sinh Cực lạc. Nước Cực lạc lầu các trang nghiêm, trang sức bằng bảy thứ châu báu lưu ly, xa cừ, san hô... không cần phải kinh doanh mua bán, nghĩ đến là y thực tự nhiên có đủ, vĩnh viễn lìa khỏi kiếp nghèo cùng. Có pháp môn huyền diệu thế này, xin chớ bỏ qua.

7/ Người già nên tu niệm Phật. Tuổi về già, thời gian còn là bao, như cá thiếu nước, nào có vui gì? Như tử tội đi ra pháp trường, mỗi bước là mỗi gần đến cái chết! Hãy nhanh chóng chí thành phát tâm niệm Phật cầu vãng sinh Cực lạc. Hòa thượng Thiện Đạo có kệ rằng: "Dần dần da nhăn tóc bạc, xem kìa bộ dạng già nua; giả như vàng ngọc đầy nhà, không ai tránh khỏi già

bệnh. Dù anh một đời sung sướng, cuối cùng cái chết kề bên; chỉ có con đường tu tắt, niệm danh hiệu Phật Di Đà". Hỡi những người già cả, xin chân thành nhắc lại ba lần. Hãy buông xuống hết bao trần lụy, không thì sẽ có một ngày, buông không xuống rồi cũng phải buông. Nên biết: "Kề cái chết hãy nhanh tranh thủ, nào ai chịu nghỉ trước mạng chung."

8/ Tuổi trẻ nên tu niệm Phật. Ở tuổi thanh xuân, sức khỏe dồi dào, không bị nỗi lo âu già bệnh, hãy nhanh phát tâm niệm Phật. Chớ bảo rằng bây giờ hãy còn quá sớm, chờ nước đến chân nhảy kịp nào, há chẳng nghe: "Mới xuân đây dương liễu xanh rờn, mà nay đã cúc vàng nở rộ". Nên biết: "Thân người khó được nhưng dễ mất, cơ hội dễ qua khó đuổi tìm". Chớ lần lữa qua ngày để thời gian trôi qua vô ích. "Đừng toan già mới tin theo Phật, bao năm mồ hoang rặt thiếu niên".

9/ Có con trai nên tu niệm Phật. Tục ngữ có câu: "Để dành lúa gạo phòng đói kém, sinh trai để dưỡng lúc tuổi già". Nay đã có con trai, cũng đã khôn lớn nên người, gia nghiệp có chỗ cậy nhờ, tông đồ có người ủy thác, hãy nên buông xuống muôn duyên nhất tâm niệm Phật cầu vãng sinh Cực lạc; nhất thiết chớ ngàn kể trăm mưu vì con vì cháu. Nên biết: "Con cháu tự có sẵn phúc đức của nó, đừng vì chúng nó lo xa nhọc nhằn". Nếu con cháu có phước thì không cần của hồi môn, tự nó hai bàn tay trắng cũng làm nên gia nghiệp. Giả sử nếu con cháu ngỗ nghịch, hoang đàng trác táng thì cho dù bạn có làm ra của bao nhiêu cũng không đủ nó hoang phí, ngược lại khiến nó tạo nghiệp, mình trở lại hại nó, thật là không phải kể hay. Hãy nhìn lại thế gian, rất nhiều gia đình giàu có đã rơi vào trường hợp này.

10/ Không có con trai nên tu niệm Phật. Người đời sinh con trai nhiều thì phải nhọc nhằn nhiều, trách nhiệm nặng, phải nuôi dưỡng, giáo dục, và tất

nhiên là không thể không cố gắng kiếm thật nhiều tiền để con được thừa kế. Còn không có con trai thì lại khỏe, nhàn hạ, đừng tự than là bạc mệnh, vợ chồng hãy cùng nhau tu trì, xưng niệm A Di Đà Phật, cầu sinh nước Cực lạc, nhanh chóng thành tựu Bồ đề, há không sung sướng sao! Hết thầy mọi người, không ai là không thể niệm Phật, do đó pháp môn niệm Phật thông hết mọi căn cơ vậy.

CHƯƠNG XI. NIỆM PHẬT CÓ THỂ ĐỘ CHÚNG SINH

Pháp môn thì vô lượng, nhưng có chia ra Đại thừa, Tiểu thừa. Tiểu thừa chỉ cầu tự lợi, riêng độ thân mình. Đại thừa đặt nặng lợi tha, rộng độ tất cả. Hoặc hỏi người tu niệm Phật, chán khổ cầu vui, nguyện vãng sinh Tịnh độ, bỏ Ta bà ngũ trược ác thế này để tiêu diêu trên miền Cực lạc, chỉ cầu lợi mình, vậy há chẳng phải Tiểu thừa sao? Mà Bồ Tát thì phải phát tâm quảng đại, chỉ nghĩ đến lợi người, không từ lao khổ, không cầu an vui, lao vào trần thế để độ sinh, không những chỉ cần tu khổ hạnh trong cõi người mà thậm chí trong địa ngục, vào ra trong đường ngạ quỷ, súc sinh, không thấy khổ vui, không thấy thủ xả, như vậy mới hợp với đạo Đại thừa. So sánh đại tiểu đâu chỉ chênh lệch như biển cả với nước dẫu chân trâu, người niệm Phật sao không khéo chọn?

Đáp rằng: Niệm Phật chính là hạnh Đại thừa thỏa đáng nhất, có thể trên đền bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường. Nếu chẳng phát tâm niệm Phật mà muốn cứu độ chúng sinh thì e chỉ là việc đầu lưỡi, với người đã không có lợi mà ngược lại còn hại mình. Ví dụ một người không biết lội nước, thấy người chết chìm lại nháy xuống cứu, không những không cứu được người mà chính mình lại bị mắc nạn, như vậy há không ngu si sao? Nay người

kính mộ Đại thừa, lại muốn độ chúng sinh mà không tu pháp môn niệm Phật để cầu vãng sinh Tịnh độ thì cũng lại như thế.

Phàm muốn tu Đại thừa, phát tâm thì dễ, bất thoái mới là khó. Trong kinh có nói rằng: "Bồ Tát phát đại tâm, trứng cá và hoa xoài (hai cái này dụ cho nhân nhiều mà quả ít); ba việc nhân tuy nhiều, nhưng thành tựu rất ít". Trong kiếp quá khứ của Xá Lợi Phất, từng phát đại tâm tu hạnh Bồ Tát lợi tha, lúc ấy có vua trời đến thử, hóa làm một người Bà la môn vừa đi vừa khóc, Bồ Tát hỏi: "Sao ông có vẻ bi thương thế". Đáp: "Mẹ tôi bệnh". "Sao ông không mời lang y chẩn bệnh mà lại khóc?". Đáp: "Tôi đã mời khắp hết các danh y nhưng đều vô hiệu". Bồ Tát nói: "Có bệnh tất phải có thuốc". Người Bà la môn đáp: "Đúng vậy! Thầy thuốc bảo: Bệnh mẹ tôi nếu có con mắt của người phát đạo tâm thì sẽ trị lành, không thì phải chết. Bởi không tìm được con mắt ấy làm thuốc nên tôi mới khóc". Bồ Tát nghĩ: "Đức Như Lai biết bao đời hành đạo Bồ Tát, từng bố thí đầu, mắt, tủy, não để cứu độ chúng sinh, ta nay đã phát đại tâm, nên bố thí mắt để bà lão được sống. Bèn nói rằng: "Ông chớ khóc nữa, tôi nay đã phát tâm Đại thừa, tu hạnh Bồ Tát. Nay xin thí mắt cho ông đem về nấu thuốc". Nói đoạn bèn móc mắt phải đưa cho người Bà la môn. Người Bà la môn nói: "Thầy thuốc bảo phải là con mắt trái mới được, mắt phải không có tác dụng". Bồ Tát hơi phiền não: "Mắt phải dùng không được sao không nói sớm, đợi móc ra rồi mới nói". Bồ Tát lại nghĩ: "Đã muốn lợi tha thì phải không được luyến tiếc", nghĩ thế bèn móc luôn con mắt trái. Người Bà la môn cầm con mắt đưa lên mũi người, nói: "Con mắt hôi thế này làm sao chế thuốc". Bèn ném xuống đất lấy chân chà lên. Bồ Tát động niệm, than: "Chúng sinh khó độ! Chúng sinh khó độ!". Thế là thoái thất đạo tâm. Đây do chưa được vô sinh pháp nhẫn, tuy muốn học Bồ Tát, làm những việc khó làm, xả những điều khó xả nhưng cái khó nhẫn thì chưa nhẫn được, rồi thì đại tâm thoái đạo, muôn kiếp vẫn là

Tiểu thừa, từ đó không dám phát lại đại tâm. Nếu muốn tu Đại thừa, quảng độ chúng sinh thì cần phải niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, thấy Phật nghe pháp, chứng được vô sinh pháp nhẫn. Sau đó vào mười phương cõi nước, phát tứ vô lượng tâm, tu sáu ba la mật, lợi ích chúng sinh đồng thoát tam giới, nhanh chóng vô thượng Bồ đề. Đây tuy trước cầu tự lợi nhưng thật sự là muốn lợi tha, như vậy người tu Tiểu thừa cầu xuất tam giới, cầu chứng Niết bàn ấy, há ai bằng nào?

Là pháp môn niệm Phật, lấy nhất tâm niệm Phật, cầu sinh Tây phương, ly khổ đặc lạc. Nhìn vào thấy như là Tiểu thừa, chỉ tự lợi mình, nhưng thực tế mà nói thì là Đại thừa, có thể lợi tha. Vì sao? Vì niệm Phật vãng sinh, được thấy Phật nghe pháp, chứng vô sinh nhẫn, đặc thân, khẩu, ý tam luân bất tư nghì nghiệp, trở lại tam giới quảng độ chúng sinh. Trong cái chán khổ ấy chính là muốn cứu khổ cho chúng sinh, tức tâm đại bi của Bồ Tát vậy; trong cái cầu lạc ấy chính là muốn cùng vui với chúng sinh tức là tâm đại từ của Bồ Tát, sao lại gọi niệm Phật là Tiểu thừa mà chẳng phải là Đại thừa?

Tam luân bất tư nghì nghiệp: 1/ Thân luân hiện thông: Có thể hiện vô lượng thân, hoặc hiện thân Phật, hoặc hiện thân Bồ Tát, hoặc hiện các thân trong sáu đường, hoặc hiền từ hoặc hung dữ, hoặc tinh lạnh, hoặc lù khù, vào khắp mười phương cõi Phật để lợi ích vô lượng chúng sinh. 2/ Khẩu luân thuyết pháp: Đầy đủ bốn vô ngại biện tài, nói pháp sáu Ba la mật, tứ diệu đế, mười hai nhân duyên, mười điều lành, năm giới cấm... tất cả các pháp thế gian, xuất thế gian đều tùy theo căn cơ giảng nói để cứu độ chúng sinh. 3/ Ý luân giám cơ: Có thể soi thấy chúng sinh căn cơ lợi, độn, trí tuệ sâu cạn, dễ độ khó độ, nên dùng thân nào để độ tức liền hiện thân đó, nên dùng pháp nào để độ tức nói pháp ấy. Như đức Quán Thế Âm Bồ Tát, tùy theo căn cơ mà thị hiện vô tác diệu lực, tự tại thành tựu, tuy không phân

thân mà hiện khắp, hàm ứng mọi căn cơ không hề trái ngược, đó là bất tư nghì nghiệp. Được nghiệp ấy rồi mới có thể báo đáp tứ ân, cứu giúp ba cõi.

Nếu không niệm Phật cầu sinh Tịnh độ thì tuy phát tâm rộng lớn, tự cứu còn chưa chắc lấy gì cứu độ chúng sinh. Duy chỉ có tu niệm Phật, chuyên tâm nhất ý, khi mạng chung, trong thì nương niệm lực tự tâm, ngoài thì nhờ vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, trong một lúc hội hai lực, thu thành công trong một niệm, vãng sinh Tây phương, thấy Phật nghe pháp, chứng vô sinh pháp nhẫn, rồi sau đó mới nương vào bánh xe đại nguyện, hội nhập Ta bà, cho đến vô lượng cõi nước nhiều như cát bụi, hiển sáu thần thông, hành Tứ nhiếp pháp, quảng độ chúng sinh đồng sinh Cực lạc. Đi lại tự do không bị nghiệp kéo mới có thể làm đại Phật sự, báo đáp tứ ân.

1. Niệm Phật có thể báo đáp ơn Phật: Đức Phật đã vì chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay chưa từng một giây rời bỏ. Lúc ta hôn mê Phật là người dẫn lối, lúc ta tạo nghiệp Phật thương xót, lúc ta trầm luân Phật phương tiện tìm cách cứu độ, khi ta được thân người Phật mừng vui. Ân này đức này không thể dùng lời lẽ để diễn tả. Nếu phát tâm niệm Phật, tự độ mình xong sau đó độ người, rộng tuyên pháp môn Tịnh độ, thay Phật hoằng hóa khiến cho hết thảy niệm Phật vãng sinh, hoành siêu tam giới, thỏa hoài bão của Phật là chân báo ân Phật vậy. Kinh điển có dạy rằng: "Giả sử đầu đội hằng sa kiếp, thân làm sàng tọa khắp tam thiên; nếu không thuyết pháp độ chúng sinh, thì chưa gọi là báo ơn Phật".

2. Niệm Phật có thể báo đáp thân ân: Thương thay cha mẹ, lao nhọc sinh ta, ân ấy đức ấy, đầy khắp hư không. Cha nuôi ta khôn lớn dạy ta nên người, một đời lao khổ không vì ai khác; yêu ta như yêu viên ngọc trên tay, ngóng ta như ngóng lúa năm đói kém. Mẹ thì mười tháng cưu mang, ba

năm bú mớm, nhả ngọt nuốt đắng, năm ướm nhường khô, chăm sóc ta từng ly từng tí. Nếu chỉ cung phụng ngọt ngon lúc sống, ma chay rền ràng khi chết, như thế cũng chưa trọn báo thâm ân, cần phải niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, sau đó trở lại Ta bà cứu vớt vong linh cha mẹ, vĩnh viễn lìa khỏi tam đồ khổ, sinh lên Cực lạc an vui, như vậy mới được gọi là báo đáp trọn vẹn. Lại nữa, ta từ vô lượng kiếp đến nay, xả thân thọ thân, đời đời đều có cha mẹ, hoặc sinh làm người hoặc sinh làm thú mà mắt trần không thấy, không thể báo đáp. Nếu niệm Phật vãng sinh, được sáu thần thông thì không chỉ có thể riêng độ cha mẹ đời này, mà còn độ được cha mẹ nhiều đời kiếp trước, như vậy mới gọi là đại hiếu, mới gọi là chân thật báo ân.

3. Niệm Phật có thể báo đáp ân sư: Cha mẹ sinh ta là cha mẹ của sinh thân; thầy tổ dạy ta là cha mẹ của pháp thân. Nếu không có thầy tổ thì ta không thể khai mở trí tuệ, học vấn của ta không thể tiến lên, đạo hạnh của ta không thể thành tựu. Ân thầy lớn lắm, còn hơn cả ân cha mẹ, nếu muốn báo đáp, chỉ có niệm Phật cầu sinh Tây phương, tự độ mình xong, sau đó độ người. Như Pháp sư Cưu Ma La Thập, ban đầu học Tiểu thừa ở Pháp sư Bàn Đầu Đạt Đa, sau sang học Đại thừa ở Pháp sư Tô Lợi Đa Tu Ma, nhận rõ sâu xa lý thể pháp tánh, tự hận trước đây sai lầm đã học Tiểu thừa, nhân nhớ đến thầy cũ, bèn trở lại diễn nói chân lý Đại thừa khiến thầy đặc ngộ, được lợi ích lớn. Thầy cũ lại bái La Thập làm thầy, Thập không dám nhận. Sư nói: "Ta là thầy Tiểu thừa của ông, ông là thầy Đại thừa của ta". Như La Thập, đáng được gọi là thật báo ơn thầy vậy.

4. Niệm Phật có thể báo ân chúng sinh: Hoặc hỏi: "Chúng sinh có ân gì với ta?". Đáp rằng: "Người cày ruộng ta mới có ăn, người dệt vải ta mới có mặc, bao nhiêu vật dụng hằng ngày, chúng sinh tạo tác ta mới có dùng". Hoặc nói: "Ta bỏ tiền ra mua, sao lại gọi ân?". Đáp rằng: "Đàn hình là ta bỏ

tiền ra mua, nhưng chúng sinh không lao tâm nhọc sức thì ta lấy đâu mà mua?” Lại nữa, tất cả chúng sinh hoặc là cha mẹ, hoặc là thầy tổ, hoặc là thân bằng quyến thuộc của ta trong quá khứ, chẳng qua thay hình đổi dạng, nên không nhận ra được, không thể bảo chúng sinh hoàn toàn không có quan hệ gì với ta; thậm chí con trâu kéo cày, con chó giữ nhà, cũng đều có ân với ta, phải nên báo đáp. Niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, tuy là tự độ nhưng thật sự là muốn độ khắp chúng sinh. Nếu lấy cái thân hiện tại chưa đắc vô lậu này mà muốn học hạnh Bồ Tát độ sinh thì thật chẳng phải là chuyện dễ. Thí như chèo chiếc thuyền lủng ra sông cứu người, chẳng những không cứu được người mà ngược lại mình bị chết chìm. Sinh lên Tịnh độ rồi, thấy Phật nghe pháp, chúng vô sinh nhen, đảnh thân, khẩu, ý tam luân bất tư nghì nghiệp mới có thể độ khắp mười phương chúng sinh, đấy là thật báo ân chúng sinh vậy.

Tam hữu: Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Tức dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Tam giới, sao gọi là tam hữu? Bởi trong tam giới, chúng sinh lục đạo theo nghiệp thiện ác mà lúc lên lúc xuống, nghiệp thiện thì sinh lên ba đường lành làm Trời, Người, A Tu la (phi thiên, phước báo không bằng trời) mà thọ phước lạc. Nghiệp ác thì đọa vào ba đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh mà chịu khổ báo. Nếu nghiệp thiện lại kiêm nghiệp thiện định bất động thì sinh sắc giới, vô sắc giới. Do ba nghiệp thiện ác, vô ký mà có luân hồi, có nhân tất có quả, nhân quả không mất nên gọi đó là hữu. Bằng lấy tam giới cửu địa mà nói thì gọi đó là cửu hữu.

Cửu địa: Từ lục dục thiên trở xuống gọi là Ngũ thú tạp cư địa, là chúng sinh năm đường sống hỗn tạp với nhau. Ví như người, quỷ, thú cùng ở với nhau trên nhân gian vậy. Trời sơ thiên gọi là ly sinh hỷ lạc địa, trời nhị thiên gọi là định sinh hỷ lạc địa, trời tam thiên gọi là ly hỷ diệu lạc địa, trời tứ thiên

gọi là xả niệm thanh tịnh địa. Cùng với trời tứ không: Không vô biên xứ địa, Thức vô biên xứ địa, Vô sở hữu xứ địa, Phi tướng phi phi tướng xứ địa, gọi chung là 25 hữu, đều là có nhân có quả, theo nghiệp thọ báo. Người niệm Phật tự độ đã xong, phát tâm độ tha, thừa nguyện độ sinh khắp cùng tam giới. Kinh Kim Cang nói: "Hoặc noãn sinh, hoặc thai sinh, hoặc thấp sinh, hoặc hóa sinh, hoặc hữu sắc, hoặc vô sắc, hoặc hữu tướng, hoặc vô tướng, hoặc phi hữu tướng phi vô tướng ta đều độ hết khiến vào vô dư Niết bàn". Đây gọi là tế độ tam hữu. Nên nói niệm Phật có thể độ chúng sinh.

CHƯƠNG XII. NIỆM PHẬT ĐƯỢC THÀNH PHẬT ĐẠO

Hoặc hỏi: "Niệm Phật vốn là việc rất dễ, thành Phật là điều khó, Phật đạo cao xa, trong kinh nói phải trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp, siêng tu lục độ vạn hạnh mới được thành tựu, sao niệm Phật mà được thành Phật?" Đáp rằng: "Pháp môn tu hành có nhanh chậm khác nhau. Chậm thì phải trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp tu nhân luyện hạnh mới thành Phật đạo, nhanh thì không cần phải trải qua ba đại a tăng kỳ vẫn được pháp thân, không thể khái luận chung chung được."

Niệm Phật chính là hoành siêu sinh tử, thành tựu Bồ đề nhanh chóng, là pháp môn viên đốn. Chỉ sợ mọi người không chịu niệm Phật, chứ nếu tinh tấn thì quả vị Phật quyết định có ngày thành tựu. Đại sư Quang Minh Thiện Đạo nói: "Nguyện cho hết thầy mọi người, khéo tự tư duy, đi, đứng, nằm, ngồi đều khắc ghi, ngày đêm chẳng bỏ thì lúc mệnh chung, niệm trước niệm sau liền sinh Cực lạc, vĩnh kiếp thọ niềm vui vô vi cho đến lúc thành Phật, như vậy há không sung sướng sao?" Đại sư Thiện Đạo cả đời chuyên tu pháp môn niệm Phật, niệm một tiếng miệng phóng ra một luồng ánh sáng, niệm trăm tiếng, nghìn tiếng ánh sáng cũng luôn phóng ra như thế. Như

những lời khai thị trên đây, mỗi người tự nên tin sâu, thêm thiết nguyện thực hành vậy.

Lại Văn Thù Sư Lợi bảo Đại sư Pháp Chiếu, Tổ thứ tư Liên tông rằng: "Trong các pháp môn tu, không pháp môn nào qua pháp môn niệm Phật". Một ngày, Tứ Tổ đến chùa Trúc Lâm ở Ngũ Đài Sơn, thấy hai vị đại sĩ Văn Thù, Phổ Hiền ngồi hai bên tả hữu, xoa đầu Tứ Tổ bảo rằng: "Ông chuyên tu niệm Phật, không lâu sẽ chứng vô thượng Bồ đề. Nếu thiện nam tín nữ, muốn chóng thành Phật, nên tu niệm Phật, mau chứng vô thượng chánh đẳng giác". Suy xét lời của hai vị đại sĩ, rõ ràng chỉ thị niệm Phật có thể thành Phật, còn nghi ngờ gì nữa?

Người niệm Phật mà được sự hộ niệm của chư Phật, nhiếp trì nguyện lực của Phật A Di Đà thì lúc mạng chung vào thẳng ngôi bất thoái, tự giác tiến tu thẳng đến thành Phật. Kinh A Di Đà nói: "Những chúng sinh sinh lên nước ta đều là bất thoái chuyển, trong số đó có rất nhiều người một đời được bổ xứ làm Phật, số ấy rất nhiều, không thể tính đếm hết được". Suy xét câu một đời được bổ xứ thành Phật, tức là thân sau chót, như vậy há không phải một đời tức được thành Phật sao? Đây là nói về sự. Nếu nói về lý, niệm Phật công thâm, vô niệm mà niệm, niệm mà vô niệm, tâm, Phật viên dung. Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, chứng duy tâm Tịnh độ, thấy tự tánh Di Đà, không chờ vãng sinh, tức thành Phật đạo, còn sự nhanh chóng nào hơn?

Hoặc nói: "Niệm Phật vãng sinh, điều ấy có đúng không?" Đáp rằng: "Ba món tư lương tín, nguyện, hạnh đầy đủ thì tất được vãng sinh vậy!". Đại sư Vĩnh Minh nói: "Không thiên có Tịnh độ, mười tu mười đắc ngộ". Tịnh Độ Vãng Sinh tập: "Xuất gia tại gia niệm Phật vãng sinh, số ấy rất nhiều, lâm

chung đều có chứng nghiệm; hoặc biết trước giờ chết, hoặc ngồi thẳng mà đi, hoặc thân phát ra hương lạ, hoặc nhạc trời trời dậy..." há lời nói hư dối sao? Thời Tống, Hoàng thợ rèn ở Hồ Nam sống bằng nghề rèn, nhà có bốn người, cuộc sống hoàn toàn dựa vào ông, ngày nào không làm việc thì coi như ngày đó không có gạo bỏ nồi. Hoàng thường hay than oán, do đời trước không tu, đời nay mới khổ như vậy, Hoàng luôn nghĩ đến tu hành, nhưng không biết phải tu pháp nào, vừa làm việc mà vẫn tu được. Một ngày, nhân thấy vị khách tăng đi qua trước tiệm, Hoàng bèn mời vào thỉnh giáo. Tăng nói: "Có. Chỉ sợ anh không tin thôi!". Hoàng nói: "Đại sư dạy, nào dám không tin!" Tăng bảo: "Ông muốn lìa khổ được vui, thế giới Ta bà này không có thật lạc, chỉ có nước Cực lạc của Phật A Di Đà mới không có các khổ, chỉ có an vui. Muốn sinh lên nước ấy chỉ cần nhất tâm xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, niệm niệm không ngừng thì lúc mạng chung nhờ Phật tiếp dẫn, tức được vãng sinh lên nước Cực lạc. Tôi dạy ông lúc cầm ống thổi, niệm một câu Nam mô A Di Đà Phật, lúc sắt cháy đỏ, lấy ra, nện một chùy, niệm một câu, mỗi mỗi búa đều như thế. Lúc không đánh búa cũng niệm, nếu cứ vậy niệm mãi, cam đoan lâm chung ông sẽ được vãng sinh Cực lạc". Hoàng thợ rèn nghe xong, vui mừng khôn xiết, cực kỳ tin tưởng, đã được tu hành lại được làm việc, liền y giáo phụng hành. Người đời đều chế nhạo Hoàng thợ rèn ngu ngốc, làm nghề rèn vốn đã rất vất vả, nay lại niệm Phật, há không phải khổ cộng thêm khổ sao? Hoàng thì không như thế, càng niệm càng thâm tín, bảo: "Pháp môn niệm Phật này thật sự có lợi ích! Tôi ngày thường đứng bên lò lửa, luôn cảm thấy khổ bị cái nóng bức bách; lúc nện búa, bị cái khổ của lao nhọc; nay niệm Phật hoàn toàn không thấy nóng, thấy mệt gì cả". Từ đó, Hoàng càng thêm tinh tấn. Ba năm trôi qua... Một ngày, Hoàng tự biết trước giờ chết, bèn cạo đầu, tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo sạch rồi bảo với vợ rằng: "Hôm nay tôi về nhà đây". Người vợ nói: "Anh còn có nhà nào?" "Đây chẳng phải là nhà tôi, nhà tôi ở Tây

phương kia". Thế rồi lại đứng bên lò lụi sắt, vẫn niệm Phật luôn, sắt cháy đỏ, lấy ra nói kệ rằng: "Bon bon beng beng, luyện lâu thành thép; bình yên đã tới, tôi về Tây phương". Niệm một câu Nam mô A Di Đà Phật, nện xuống một búa rồi đứng yên mà hóa, khắp thân phát ra mùi hương lạ, nhạc trời trỗi dậy. Đây là tướng lành Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sinh Tây phương vậy. Mọi người ngửi thấy mùi hương lạ, không ai mà không kinh ngạc. Từ đó, người Đàm Châu về sau đều niệm Phật, đến nay còn rất thịnh. Xưa nay biết bao nhiêu chuyện niệm Phật vãng sinh, không thể không tin.

Lại hỏi: "Chúng sinh trong mười phương thế giới, nếu niệm Phật vãng sinh hết thì cõi Cực lạc chỗ đâu mà chứa?". Đáp: "Biển xanh nhận nước của muôn vạn dòng sông mà có đầy đâu, tấm gương nhỏ xíu chứa vạn cảnh nào có dư đâu. Những vật thể gian mà còn được như thế, huống hồ nguyện lực rộng lớn và lực bất khả tư nghì của Phật A Di Đà, thành tựu vô biên cõi Phật trang nghiêm, sao không đủ chỗ để dung chứa?".

Thiền sư Hoài nói: "Sinh thì thật có sinh, đi thời chẳng chỗ đi. Nếu bảo thật có vãng sinh Tịnh độ, há không trái với lời người xưa sao?" Đáp rằng: "Không trái. Đây chính là cổ đức đã ngộ được yếu chỉ chân tục không trái, lý sự vô ngại của thật tướng niệm Phật vãng sinh. Anh chỉ đọc mà không hiểu. Câu trước "sinh thì thật có sinh" là pháp giới tục đế thuộc sự, câu sau "đi thời chẳng chỗ đi" là pháp giới chân đế thuộc lý, tức là sinh duy tâm Tịnh độ, lý sự không cách hào tở, làm sao có tướng đến đi?" Niệm Phật vãng sinh, Phát Bồ Đề Tâm Văn của Đại sư Tĩnh Am, có kệ rằng: "Hoa sen hóa sinh Phật hiện tiền, hào quang Phật chiếu tía kim liên; thân theo chư Phật lên Tây cảnh, không đến không đi việc dường như". Vãng sinh là điều có thật, không nên hoài nghi, nếu có một chút nghi ngờ tức là niềm tin chưa sâu, nguyện lực chưa thiết vậy.

Lại nữa, duy tâm Tịnh độ, không phải không có thế giới Tây phương Cực lạc trang nghiêm thanh tịnh mà là chỉ chân tâm, thể thì biến khắp mười phương; lượng thì đầy hư không giới. Tức cõi Tây phương Cực lạc cũng không ngoài tự tâm nên nói duy tâm Tịnh độ. Người niệm Phật cẩn thận chớ hiểu sai chữ duy tâm. Nếu lấy hai chữ "duy tâm", tức bảo không có Tây phương Tịnh độ, vậy thì Kinh A Di Đà, Đức Thích Ca bảo Xá Lợi Phất: "Từ cõi Ta bà hướng về phía Tây, vượt qua 10 vạn ức cõi Phật, có thế giới gọi là Cực lạc, nước ấy có Phật hiệu là A Di Đà, hiện đang thuyết pháp". Đây há là lời dối người sao? Phật là bậc toàn giác, tuyệt không có việc dối người. Lại không thể không thấy thế giới Cực lạc rồi cho rằng là không có. Như có người chưa từng đến châu Âu, làm sao có thể nói rằng thật không có châu Âu? Niệm Phật chắc chắn thành Phật, Kinh Pháp Hoa nói rằng: "Nếu người nào tâm tán loạn, vào tháp miếu, xưng niệm một câu Nam mô Phật, đều có thể thành Phật đạo". Người tâm tán loạn niệm một câu danh hiệu Phật, còn được thành Phật, huống hồ tinh tấn niệm Phật một đời, há có lý không thể thành Phật?

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương nói: "Nhớ Phật niệm Phật, hiện tại đương lai, nhất định thấy Phật, cách Phật không xa". Suy xét câu "cách Phật không xa" rõ ràng là ý chỉ niệm Phật tức được thành Phật. Sao gọi là hiện tiền thấy Phật? Hoặc lúc chuyên tâm niệm Phật mộng thường thấy Phật. Tôi từng mộng thấy thế giới Cực lạc Di Đà từ tôn, đồng thời cũng được nghe thuyết pháp, Đức Di Đà dạy tôi hãy tu trì tịnh nghiệp, tự độ độ tha. Nên sau 36 năm thiền tịnh song tu, mỗi lần truyền giới tam quy hoặc pháp hội giảng kinh tôi đều hết sức khuyên mọi người phát tâm niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ. Tôi bảo họ rằng: "Tu hành niệm Phật là ổn đáng nhất, nên lấy trì danh niệm Phật làm chánh hạnh, tu các pháp

thiện khác là trợ hạnh, chánh trợ cùng hành thì như buồm xuôi gió lại thêm sức chèo, vãng sinh Tịnh độ, phẩm vị cao là chắc chắn”.

Hoặc tam muội công thành, trong định thấy Phật. Như Đại sư Tuệ Viễn, Sơ Tổ phái Liên tông, kết tập Liên xã ở Lô Sơn, chuyên tu pháp môn niệm Phật, ba mươi năm không xuống núi, trừng tâm nhập định, ba lần thấy Thánh tướng, tướng tốt trang nghiêm, một đêm tháng 7, xuất định ở Bát Nhã đài, thấy Phật A Di Đà thân đầy khắp hư không, trong ánh viên quang có vô số hóa Phật, Quán Âm, Thế Chí hầu cận hai bên, lại thấy ánh sáng sông ngòi, phân thành 14 nhánh diễn nói pháp âm khổ, không, vô thường, vô ngã. Phật bảo rằng: "Ta dùng bốn nguyện lực đến an úy ông, ông sau bảy ngày sẽ sinh lên nước ta". Lại thấy các vị trong Liên xã trước đây như Phật Đà Da Xá, Tuệ Trì, Tuệ Vĩnh, Lưu Di Dân... đều ở bên cạnh Phật A Di Đà. Các vị ấy nói: "Thầy đã sớm phát tâm từ lâu, sao đến muộn vậy?". Đây đều là những minh chứng trong định thấy Phật. Đến ngày 7 tháng 8, ngài triệu tập chúng cáo biệt, bảo hai đệ tử Pháp Tịnh, Tuệ Bảo rằng: "Trong 11 năm trở lại đây, ta ba lần thấy Thánh tướng, nay lại thấy nữa, ta vãng sinh đây!". Dặn dò đệ tử xong, ngài thẳng niệm Phật mà tịch, hương lạ khắp nhà, nhạc trời rền vang, đệ tử nhập tháp ngài trên đỉnh phía Tây Lô Sơn.

Thế nào gọi là đương lai thấy Phật? Nếu niệm Phật công thành, lúc mạng chung sẽ thấy Phật A Di Đà hiện thân tiếp dẫn, đây là đương lai thấy Phật vậy. Lại hóa sinh sen báu, hoa khai kiến Phật, thân ánh sắc vàng, chúng vô sinh nhẫn, được vào địa vị bồ xứ, không chỉ thường được thấy Phật mà còn được thành Phật. Pháp môn viên đốn thù thắng này, có thể cắt ngang dòng sinh tử, đến bờ giác tức thì. Phạm muốn ly khổ đặc lạc, siêu phàm nhập thánh, hãy nên trì pháp niệm danh hiệu Phật, là pháp môn duy nhất không pháp nào trên.

NIỆM PHẬT CÓ MƯỜI ĐIỀU LỢI ÍCH LỚN

1. Ngày đêm thường được chư Thiên, đại lực thần tướng ẩn thân hộ trì.
2. Thường được Quán Âm cùng 25 đại Bồ Tát bảo hộ.
3. Người niệm Phật thường được Phật A Di Đà phóng quang nhiếp thọ.
4. Không bị các ác Dạ xoa nã hại.
5. Người niệm Phật sẽ không bị các nạn nước lửa, đao binh, gông cùm.
6. Những tội lỗi đã tạo trong vô biên kiếp đều được tiêu diệt.
7. Thường có những giấc mộng đẹp hoặc thấy Phật A Di Đà thân vàng sáng chói.
8. Tâm thường hoan hỷ, nhan sắc tươi vui, khí lực sung mãn, được các may mắn trong việc làm.
9. Thường được người đời cung kính như kính Phật vậy.
10. Lúc mạng chung, tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện tiền, được Phật cùng chư Bồ Tát, tay cầm kim đài đến tiếp dẫn vãng sinh, hóa sinh hoa sen, hưởng thọ niềm vui vi diệu thù thắng.